

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN TRỌNG HOÀNG

**TƯ TƯỞNG QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHAN BỘI CHÂU,  
PHAN CHÂU TRINH, NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH  
TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN TRỌNG HOÀNG

**TƯ TƯỞNG QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHAN BỘI CHÂU,  
PHAN CHÂU TRINH, NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH  
TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945**

*Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người*  
*Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS. TS. HOÀNG THỊ KIM QUẾ**

HÀ NỘI - 2014

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

NGƯỜI CAM ĐOAN

**Nguyễn Trọng Hoàng**

# MỤC LỤC

*Trang*

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHAN BỘI CHÂU, PHAN CHÂU TRINH</b> .....	7
<b>1.1. Sự chuyển biến của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX</b> .....	7
<b>1.2. Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu</b> .....	12
1.2.1. Thân thế, sự nghiệp của Phan Bội Châu.....	12
1.2.2. Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu.....	14
<b>1.3. Tư tưởng quyền con người của Phan Châu Trinh</b> .....	20
1.3.1. Thân thế, sự nghiệp của Phan Châu Trinh.....	20
1.3.2. Tư tưởng quyền con người của Phan Châu Trinh.....	21
<b>1.4. Giá trị tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh</b> .....	31
1.4.1. Đối với giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc .....	31
1.4.2. Đối với giai đoạn hiện nay.....	33
<b>1.5. Những hạn chế trong tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh</b> .....	37
1.5.1. Những hạn chế tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu .....	38
1.5.2. Những hạn chế trong tư tưởng quyền con người của Phan Châu Trinh ....	40
<b>Kết luận Chương 1</b> .....	42

<b>Chương 2: NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG</b>	
<b>QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ</b>	
<b>MINH TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945</b> .....	44
<b>2.1. Thân thể, sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh</b> .....	44
<b>2.2. Tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí</b>	
<b>Minh trước Cách mạng Tháng 8/1945</b> .....	47
2.2.1. Quyền con người là quyền tự nhiên và phải gắn với độc lập của	
dân tộc.....	47
2.2.2. Quyền con người gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp và với chủ	
nghĩa Mác - Lênin .....	50
2.2.3. Quyền con người là sự kế thừa tư tưởng quyền con người của	
nhân loại và tư tưởng của dân tộc Việt Nam .....	54
2.2.4. Quyền con người phải được Nhà nước thừa nhận và có biện pháp	
đảm bảo thực hiện .....	56
<b>2.3. Giá trị tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ</b>	
<b>Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945</b> .....	59
2.3.1. Đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc .....	59
2.3.2. Đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay.....	61
<b>2.4. Sự kế thừa tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc -</b>	
<b>Hồ Chí Minh trong các bản Hiến pháp và pháp luật</b> .....	65
<b>Kết luận Chương 2</b> .....	71
<b>KẾT LUẬN</b> .....	73
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	77

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là một trong những vấn đề thiêng liêng, cơ bản của mỗi con người, của xã hội, Nhà nước và cũng luôn luôn là khát vọng của toàn thể nhân loại. Từ khi có con người trên trái đất đến nay, con người luôn phải đấu tranh để tồn tại, để khẳng định, để bảo vệ và phát triển quyền của mình với người khác, tổ chức, xã hội và Nhà nước. Có thể đó chỉ là đấu tranh với thiên nhiên, hay những thế lực khác ngoài thiên nhiên nhưng trong trí tưởng tượng của con người. Quyền con người có tính tự nhiên, mà mỗi con người khi sinh ra đã có quyền đó, dù nhà nước hay xã hội có thừa nhận hay không. Quyền con người không chỉ là vấn đề quan trọng của luật quốc tế, mà các quốc gia trên thế giới ngày càng chú trọng xây dựng hệ thống pháp luật hướng tới bảo vệ quyền con người.

Mỗi dân tộc đều có những quan điểm, tư tưởng riêng của dân tộc mình về quyền con người. Chính điều này đã tạo ra sự đặc sắc, phong phú trong tư tưởng của thế giới về quyền con người. Khác với các dân tộc khác trên thế giới, dân tộc Việt Nam phải chiến đấu qua nhiều cuộc chiến tranh với phong kiến phương Bắc, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ với những cuộc chiến tranh trường kỳ, lâu dài, gian khổ, hy sinh không biết bao xương máu của nhân dân để giải phóng đất nước, giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột. Mục đích của các cuộc chiến tranh đó là nhằm dành và bảo vệ những quyền cơ bản của con người như quyền được sống, quyền không bị áp bức, bóc lột, quyền được tự do, độc lập, được bảo đảm những giá trị về nhân phẩm.

Trong quá trình đấu tranh, những tư tưởng tiên tiến, ưu việt, có giá trị không chỉ đối với quá trình cách mạng, mà còn chứa đựng nhiều giá trị tư tưởng quyền con người. Đó là tư tưởng của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, những người tiên phong đã bôn ba khắp năm châu, bốn bể tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Chính tư tưởng tiên tiến về bảo vệ, phát huy quyền con người thông qua các tác phẩm tiên tiến từ hải ngoại truyền bá vào Việt Nam đã góp phần rất lớn định hướng cách mạng, xây dựng, tập hợp lực lượng để giải phóng đất nước, giải phóng con người.

Dù mỗi người chọn những con đường khác nhau như xuất dương sang Nhật Bản (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh), tìm đến với giá trị Á châu, hay đến Pháp, Anh, Mỹ, Nga (Nguyễn Ái Quốc), nhưng trong mỗi tư tưởng, suy nghĩ của mỗi người đều tìm đến được một chân lý chung là giải phóng con người, mà rộng hơn là cả dân tộc khỏi áp bức, bóc lột của thực dân Pháp. Đó là tư tưởng về quyền con người sát thực nhất để bảo vệ quyền con người, phẩm giá, giá trị của mỗi con người Việt Nam.

Thông qua việc tìm hiểu sâu sắc toàn bộ lịch sử của xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, cùng với những biến động to lớn của lịch sử Thế giới, các phong trào, tư tưởng yêu nước của người dân Việt Nam để nhìn nhận sâu sắc và toàn diện hơn về tư tưởng quyền con người ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đặc biệt là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với những giá trị cốt lõi của nó đối với công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Những giá trị của cách mạng và ảnh hưởng của những tư tưởng tiên tiến về giá trị quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945 đã có tác động to lớn, định hướng, thúc đẩy quá trình đấu tranh cách mạng trong lịch sử của dân tộc.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng, Nhà nước ta đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện hệ thống pháp luật, thì việc nghiên cứu tư tưởng về quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, đặc biệt là tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí

Minh trước cách mạng tháng 8/1945 còn cấp thiết và ý nghĩa hơn bao giờ hết. Đó là tìm hiểu giá trị tư tưởng về quyền con người của các sỹ phu yêu nước, tư tưởng về xây dựng nhà nước cách mạng của dân, do dân, vì dân, bảo vệ, phát huy giá trị quyền con người, nhằm chọn lọc những tinh hoa trong tư tưởng đó, kế thừa và phát triển thành những chính sách xây dựng pháp luật bảo vệ đất nước, bảo vệ quyền con người trong thời đại hiện nay.

Ở một góc độ khác, quyền con người luôn là lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp và luôn có tính thời sự sâu sắc. Không chỉ hiện nay, mà cách đây gần một thế kỷ, những sỹ phu yêu nước Việt Nam đã tiên phong cùng với các lực lượng tiên tiến trên thế giới bảo vệ quyền con người. Những tư tưởng dân chủ của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, tự do, bình đẳng, bác ái của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã được chính quyền cách mạng trước đây và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay tiếp thu, kế thừa, phát triển như thế nào để bảo vệ quyền của con người Việt Nam trong hệ thống pháp luật. Việc phân tích rõ sự kế thừa và phát triển tư tưởng quyền con người của các sỹ phu yêu nước cũng góp phần khẳng định lại với các thế lực muốn lợi dụng quyền con người để thực hiện những mưu đồ bôi xấu, thông tin sai lạc về Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, đặc biệt là của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945 không chỉ dừng lại ở giai đoạn đấu tranh giải phóng đất nước, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng, bảo vệ, quản lý xã hội từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng, Nhà nước ta đang nỗ lực để xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân thì việc nghiên cứu, chắt lọc tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, qua đó chỉ ra những giá trị về quyền con người lại càng quan trọng và cấp thiết hơn bao giờ hết.



## **2. Tình hình nghiên cứu**

*Tình hình nghiên cứu quyền con người nói chung:* Ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết của các nhà khoa học về quyền con người, quyền công dân, trong đó có cả việc giới thiệu các tư tưởng quyền con người của các dân tộc khác nhau trên thế giới và Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Trong đó phải kể đến các tuyển tập “Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948” do Gudmundur Alfredsson (Viện Raul Wallenberg, Lund, Thụy Điển, Asbjorn Eide (Viện nhân quyền Na Uy), do Hoàng Hồng Trang, Nguyễn Hải Yên, Nguyễn Thị Xuân Sơn dịch, Lã Khánh Tùng, Vũ Công Giao hiệu đính, được NXB Lao động xã hội ấn hành năm 2011. Cuốn sách bao gồm bài viết của các tác giả, cá nhân hoặc theo nhóm phân tích đến từng điều khoản của Tuyên ngôn, là một công trình được đóng góp bởi nhiều học giả và nhiều nhà hoạt động thực tiễn nổi tiếng trong lĩnh vực nhân quyền trên thế giới, có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề trong quá trình nghiên cứu quyền con người ở Việt Nam. Cuốn “Tư tưởng về quyền con người – tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam”, do Lã Khánh Tùng, Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Tuấn tuyển chọn, sắp xếp và giới thiệu, NXB Lao động xã hội xuất bản năm 2011.

*Tình hình nghiên cứu tư tưởng về quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh:* Đối với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đều đã có tuyển tập, toàn tập của các tác giả, nhóm tác giả đã nghiên cứu sâu sắc, toàn diện về quá trình hoạt động cách mạng từ lúc sinh thời cho đến lúc mất đi. Các tuyển tập, toàn tập đều do các Nhà xuất bản có uy tín trong nước như NXB Thuận Hóa – Huế, NXB Đà Nẵng, NXB Văn - sử - địa (Hà Nội), NXB Chính trị Quốc gia ấn hành. Ngoài ra, các bài báo, tạp chí nghiên cứu riêng lẻ cũng thường xuyên đề cập đến quá trình hoạt động cách mạng và tư tưởng về quyền con người

của các nhà hoạt động cách mạng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Tác giả Nguyễn Hiến Lê có tác phẩm nghiên cứu chuyên sâu về phong trào “Đông Kinh Nghĩa thực”, được NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội ấn hành năm 2002; Tác giả Trần Mai Ước, PGS.TS, Trương Văn Chung, PGS.TS, Doãn Chính có cuốn sách viết về “Những tư tưởng đổi mới về văn hóa - đạo đức của Phan Châu Trinh, trong Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội ấn hành năm 2005.

Mới đây nhất, Tác giả Laura Lam có bài viết “Chủ tịch Hồ Chí Minh và hành trình đi tìm tự do” đăng ngày 1/2/2010 trên Báo Dân trí điện tử bản tiếng Anh, do Việt Hà dịch. Trên Tạp chí cộng sản số tháng 1 năm 2014, TS. Vũ Ngọc Am có bài viết “Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người”. Ngoài ra, còn có các bài viết trên các Tạp chí, bài báo riêng lẻ về tư tưởng lập pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Hồ Chí Minh, trong đó tập trung đề cập việc xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ quyền con người.

### **3. Mục đích, phạm vi nghiên cứu**

*Mục đích của luận văn:*

Làm nổi bật những giá trị của tư tưởng về quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945. Các giá trị tư tưởng đó thể hiện như thế nào trong các tác phẩm do các sỹ phu Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết. Và những giá trị quyền con người đó đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, đặc biệt là với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

*Phạm vi nghiên cứu:*

Luận văn sẽ đi sâu nghiên cứu, đánh giá, phân tích và nhìn nhận khách quan, toàn diện tư tưởng về quyền con người của các nhà hoạt động cách

mạng, sỹ phu yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945.

Đây là thời gian đặc biệt, thời kỳ vận động cách mạng sôi nổi của những nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu, điển hình và có nhiều đóng góp về tư tưởng tự do, dân chủ, giải phóng dân tộc khỏi sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp trong quá trình vận động, phát triển cách mạng ở giải phóng dân tộc, giải phóng con người ở Việt Nam. Quá trình nghiên cứu cũng nhằm tìm được chân lý, triết lý của quyền con người nói chung và tư tưởng về quyền con người của Việt Nam nói riêng. Luận văn đi sâu tìm hiểu, phân tích những giá trị cốt lõi trong tư tưởng của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945 và sự kế thừa, tiếp thu các tư tưởng đó thể hiện như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở áp dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cùng các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước Việt Nam về pháp luật và xây dựng pháp luật, tư tưởng quyền con người của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước Việt Nam hiện nay. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng trong luận văn này bao gồm: Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh.

#### **5. Kết cấu của luận văn**

Kết cấu của luận văn như sau: Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, luận văn có 2 chương:

- *Chương 1*: Nội dung cơ bản và giá trị tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.
- *Chương 2*: Nội dung cơ bản và giá trị tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước Cách mạng Tháng 8/1945.

## *Chương 1*

# **NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG QUYỀN CON NGƯỜI CỦA PHAN BỘI CHÂU, PHAN CHÂU TRINH**

### **1.1. Sự chuyển biến của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX**

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam bắt đầu phân hóa rất mạnh mẽ. Đặc biệt là khi thực dân Pháp đang tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương, bóc lột nặng nề người dân An Nam bằng sưu cao thuế nặng và phu dịch. Như một lẽ tất yếu, các phong trào đấu tranh cách mạng phát triển mạnh mẽ hơn lúc nào hết. Cũng trong giai đoạn này, các trào lưu, tư tưởng bắt đầu xâm nhập và ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội Việt Nam. Trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, đó là đấu tranh vì quyền tự quyết của con người, của dân tộc, vì tự do, độc lập bắt đầu truyền bá vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau và có ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội Việt Nam. Các học thuyết về nhân quyền và dân quyền của Rousseau, Montesquieu, Voltaire... thông qua các nhà cách mạng, sỹ phu yêu nước, các nhà hoạt động vì dân chủ, nhân quyền trong và ngoài nước với những tác phẩm của mình đã được những nhà hoạt động cách mạng Việt Nam tiếp thu.

Bên cạnh đó đất nước Trung Quốc cũng trải qua biến cố lịch sử quan trọng với cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, lãnh tụ Tôn Trung Sơn (Tôn Văn, Tôn Giật Tiên), lãnh đạo giai cấp tư sản lật đổ triều đại phong kiến Mãn Thanh, xây dựng đất nước Trung Hoa theo đường lối dân chủ tư sản, như một cơn địa chấn lớn trong cả khu vực châu Á, trong đó có Việt Nam. Thông qua các tân thư, tân văn Trung Quốc, các học thuyết về nhân quyền và dân quyền từng bước được các sỹ phu đến với các sỹ phu yêu nước Việt

Nam. Tân thư, tân văn cùng với ảnh hưởng của cuộc Duy tân ở Nhật Bản và chiến thắng của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (từ năm 1901 đến năm 1905) đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, cách mạng của Việt Nam. Những sự kiện này như sự động viên, cổ vũ và hơn hết là như một hồi chuông thức tỉnh những con người tâm huyết vì sự nghiệp cách mạng giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, giải phóng con người của nhân dân Việt Nam.

Những chuyển biến chính trong lòng xã hội Việt Nam, cùng sự ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ từ các sỹ phu yêu nước tiếp thu từ bên ngoài thể hiện qua các ấn phẩm từng bước truyền bá vào Việt Nam đã từng bước hình thành nếp nghĩ dân chủ tư sản, trong đó đặt vai trò con người là trung tâm trong xã hội có nhà nước. Như một thành quả tất yếu, các phong trào đấu tranh đòi dân chủ, đòi đảm bảo thực hiện quyền con người đã nhen nhóm như phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ (năm 1908), Việt Nam Quang phục Hội (từ năm 1912 đến năm 1917). Cùng với đó là các phong trào Đông du (từ năm 1904 đến năm 1908), phong trào Duy tân (từ năm 1905 đến năm 1908), Đông Kinh nghĩa thực (năm 1907), và các phong trào yêu nước khác phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Khác với các sỹ phu nho học, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc lại lên tàu buôn sang tìm đến các nước phương Tây như Anh, Pháp, Mỹ, các nước Châu Phi, Đông Âu... để mong chọn cho dân tộc mình một con đường sáng giá nhất để giải phóng đất nước. Dù cách tiếp cận khác nhau, với những con đường đi khác nhau, nhưng cả Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh cùng chung một chí hướng: Canh tân, giải phóng đất nước dưới sự áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, xây dựng xã hội ngày càng cường thịnh, dân chủ, vì con người, giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến.

Ngay sau khi xâm lược Việt Nam, Pháp đã triển khai ký kết các Hiệp ước nhằm hợp pháp hóa sự xâm lược này. Năm 1883, triều đình nhà Nguyễn ký với thực dân Pháp hiệp ước Harmand và một năm sau đó, năm 1884, nhà Nguyễn tiếp tục ký Hiệp ước Patenôtre. Nói là ký Hiệp ước, nhưng thực chất, nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp.

Khi áp đặt sự đô hộ của mình lên Việt Nam và sau đó là cả Đông Dương, Pháp thực thi chính sách quản lý nghiêm ngặt và hà khắc với mục đích bóc lột tất cả mọi phong trào dân chủ, nhân quyền, đấu tranh giải phóng dân tộc từ trong trứng nước.

Mặt khác thực dân Pháp lập ra ngân sách chung cho 5 xứ. Nguồn thu của ngân sách này do nguồn lợi của các loại thuế. Mọi thứ thuế tồn tại từ thời phong kiến đều tăng vọt, nhiều thứ thuế mới được đặt ra. Trên chiếc lưng cao su của người An Nam, nhà nước tha hồ kéo dài mức thuế co dãn [6, tr.129].

Nhưng, đối với người Việt Nam, càng áp bức thì dường như những phong trào đấu tranh lại phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Phản kháng đầu tiên dưới sự áp bức, bóc lột, sự hà khắc của thực dân Pháp phải kể đến phong trào Cần Vương giai đoạn 1885 - 1896. Đây là một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động. Ban đầu chỉ là các cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885), sau đó lan rộng ra nhiều tỉnh, thành và với các hoạt động phản kháng khác nhau trở thành cao trào tiêu biểu đầu tiên trong hoạt động của người Việt chống lại việc áp đặt ách thống trị của thực dân Pháp. Việc tấn công bị bại lộ, thực dân Pháp truy tìm ráo riết buộc Tôn Thất Thuyết phải đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở - Quảng Trị, hạ chiếu Cần Vương kêu gọi toàn dân đứng lên chống lại thực dân Pháp.

Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi

nghĩa: Ba Đình của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881 - 1887), Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (1883 - 1892) và Hương Khê của Phan Đình Phùng (1885 - 1895) [32, tr.222 - 225].

Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913. Nhưng tất cả đều chưa chiến thắng, chưa đủ mạnh để giải phóng hoàn toàn đất nước. Trước những thất bại của các cuộc khởi nghĩa ở trong nước đã đặt ra nhiều vấn đề cho các chí sỹ cách mạng, đặc biệt là những sỹ phu yêu nước. Tại sao thất bại luôn là câu hỏi thường trực với những nhà yêu nước chân chính mong muốn có những con đường để cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước khỏi sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng, về thế lực kinh tế và chính trị, nhưng với tinh thần dân tộc, dân chủ, nhân dân Việt Nam, đặc biệt là giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức nho học đã bắt đầu vươn lên vũ đài đấu tranh với thực dân Pháp bằng một số cuộc đấu tranh cụ thể với những hình thức khác nhau.

Năm 1919 - 1923, phong trào quốc gia cải lương của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên đã diễn ra bằng việc vận động chấn hưng nội hoá bài trừ ngoại hoá, chống độc quyền thương cảng Sài Gòn, chống độc quyền khai thác lúa gạo ở Nam Kỳ, đòi thực dân Pháp phải mở rộng các viện dân biểu cho tư sản Việt Nam tham gia.

Năm 1925 - 1926 đã diễn ra phong trào yêu nước dân chủ công khai của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới, với nhiều tổ chức chính trị được tập hợp và thành lập như Việt Nam Nghĩa đoàn, Phục Việt (1925), Hưng Nam, Thanh niên cao vọng (1926); thành lập nhiều nhà xuất bản như Nam Đồng thư xã (Hà Nội), Cường học thư xã (Sài Gòn), Quan hải tùng thư (Huế). Trong phong trào này đã tổ chức xuất bản các ấn phẩm báo chí nhằm tuyên

truyền và đưa tiếng nói của mình đến với quần chúng nhân dân như Chuông rạn (La Cloche fêlée), Người nhà quê (Le Nhaque), An Nam trẻ (La jeune Annam). Hoạt động này vừa đòi quyền tự do dân chủ cho con người, vừa đòi các quyền tự do khác như quyền tự do ngôn luận, quyền hội họp, biểu tình, quyền được bình đẳng và thật sự tạo nên phong trào dân chủ công khai, rộng lớn nhất tại Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX.

Bước sang năm 1925, 1926 có hai phong trào quy tụ được sự tham gia của mọi tầng lớp trong khắp cả nước đó là phong trào đòi thả Phan Bội Châu và phong trào đòi để tang cụ Phan Châu Trinh. Ban đầu là các tầng lớp trí thức tiểu tư sản bức xúc trước những hành xử vô nhân đạo của thực dân Pháp. Sau đó đã lan rộng ra khắp cả nước và quy tụ được dân chúng ở các giai tầng khác nhau trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, nhân dân ta còn tiến hành cuộc vận động vì văn hóa tiến bộ, đặc biệt là tuyên truyền rộng rãi quyền tự do dân chủ của con người theo hướng dân chủ của các quốc gia tiến tiến trên thế giới.

Tuy nhiên, càng về sau, cùng sự thay đổi của điều kiện lịch sử, phong trào trên đây ngày càng bị phân hoá mạnh. Có bộ phận đi sâu hơn nữa vào khuynh hướng chính trị tư sản như Nam Đồng thư xã, có bộ phận chuyển dần sang quỹ đạo cách mạng vô sản, tiêu biểu là Phục Việt, Hưng Nam.

Những năm 1927 - 1930, phong trào cách mạng quốc gia tư sản gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng, mà lãnh tụ là Nguyễn Thái Học sáng lập và lãnh đạo cùng Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính tổ chức những sự kiện nhằm gây tiếng vang như ngày 9/2/1929, Đảng viên Quốc dân Đảng ám sát tên trùm mộ phu Bazin tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước. Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề nhất. Trong tình thế hết sức bị động, các lãnh tụ của Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng vào một trận chiến đấu



cuối cùng với tư tưởng “không thành công cũng thành nhân”. Ngày 9/2/1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ, trung tâm là thị xã Yên Bái với cuộc tiến công trại lính Pháp của quân khởi nghĩa. Ở một số địa phương như Thái Bình, Hải Dương... cũng có những hoạt động phối hợp.

Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra khi chưa có thời cơ, vì thế nó nhanh chóng bị thực dân Pháp dim trong biển máu. Các lãnh tụ của Việt Nam quốc dân Đảng cùng hàng ngàn chiến sĩ yêu nước bị bắt và bị kết án tử hình. Trước khi bước lên đoạn đầu đài họ hô vang khẩu hiệu "Việt Nam vạn tuế". Vai trò của Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào dân tộc ở Việt Nam chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

Nhìn chung, các phong trào đấu tranh vì dân chủ, quyền con người, quyền tự quyết của dân tộc những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đặc biệt là các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam. Nhưng cuối cùng đều thất bại vì còn thiếu một con đường đúng đắn hơn, quy tụ đông đảo hơn quần chúng nhân dân lao động của cả dân tộc. Vì vậy, những phong trào này dù mạnh mẽ đến đâu cũng chỉ dừng lại ở mức độ phong trào, chưa thật sự là phong trào cách mạng của toàn dân.

## **1.2. Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu**

### ***1.2.1. Thân thế, sự nghiệp của Phan Bội Châu***

Phan Bội Châu sinh ngày 26 tháng 12 năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cha ông là Phan Văn Phô, mẹ là Nguyễn Thị Nhàn. Phan Bội Châu nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi học 3 ngày thuộc hết Tam Tự Kinh, 7 tuổi ông đã đọc hiểu sách Luận Ngữ, 13 tuổi ông thi đỗ đầu huyện. Thuở thiếu thời ông đã sớm có lòng yêu nước. "Bé San là một cậu bé thông minh đến mức kỳ lạ. Vào khoảng năm 6 tuổi, cậu

được cha cho dạy học. Mới 3 ngày đã thuộc hết quyển "Tam tự kinh", gấp sách lại, đọc không quên, không sai sót một chữ nào" [18, tr. 88].

Năm 17 tuổi, ông viết bài "Hịch Bình Tây thu bắc" đem dán ở cây đa đầu làng để hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp. Năm 19 tuổi, ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội "Sĩ tử Cần Vương" quy tụ được hơn 60 người hoạt động chống thực dân Pháp cai trị, nhưng bị thực dân Pháp kéo tới khủng bố nên phải giải tán.

Gia cảnh khó khăn, ông đi dạy học kiếm sống và học thi. Khoa thi năm Đinh Dậu (1897) ông đã lọt vào trường nhì nhưng bạn ông là Trần Văn Lương đã cho vào tráp mấy cuốn sách nhưng ông không hề biết nên ông bị khép tội hoài hiệp văn tự (mang văn tự trong áo) nên bị kết án chung thân bắt đày khổ sai (suốt đời không được dự thi). Sau cái án này, Phan Bội Châu vào Huế dạy học, do mến tài ông nên các quan đã xin vua Thành Thái xóa án. Nhờ vậy, ngay khoa thi hương tiếp theo, năm Canh Tý (1900), ông đã đậu đầu (giải nguyên) ở trường thi Nghệ An [31].

Từ năm 1905, ông phát động phong trào Đông Du và đã đưa được hàng trăm thanh niên đi học ở Nhật Bản. Tuy nhiên, Pháp và Nhật ký với nhau hiệp ước năm 1908, theo đó Chính phủ Nhật trục xuất các du học sinh người Việt ra khỏi đất Nhật, vì vậy mà phong trào Đông Du tan rã. Năm 1912, Duy tân hội giải tán và Việt Nam Quang phục Hội được thành lập, tôn chỉ hoạt động được thay đổi từ chủ nghĩa quân chủ sang chủ nghĩa dân chủ để đánh đuổi quân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc kiến lập Việt Nam. Năm 1925, ông bị thực dân Pháp bắt tại Thượng Hải, giải về nước xử án tù chung thân. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước đòi thả Phan Bội Châu và nhờ sự can thiệp của Toàn quyền Verenne, ông được về an trí tại Bến Ngự (Huế). Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị cao về nhiều mặt như "Việt Nam quốc sử khảo", "Việt Nam vong

quốc sử”, “Chúng diệt dự ngôn”, “Hải ngoại huyết thư”, “Nam quốc dân tu tri”, “Phan Bội Châu niên biểu”... [38, tr.602].

### ***1.2.2. Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu***

*Thứ nhất: Quyền con người trước hết là quyền được giải phóng khỏi sự, bóc lột, đè nén, xây dựng nhà nước thực sự của nhân dân.*

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam nóng hơn bao giờ hết về vấn đề giải phóng con người, giải phóng sự áp bức người bóc lột người. Chưa bao giờ những thuật ngữ như "dân khí", "dân sinh", "dân quyền", "dân chủ", những vấn đề liên quan đến người dân được nhắc đi nhắc lại nhiều như vậy, đặc biệt là trong tầng lớp trí thức nho học.

Phan Bội Châu cũng như các trí thức yêu nước khác, nhận thức được rất rõ ràng mọi khổ đau của con người đó là xã hội bị nô lệ, và giải thoát khỏi nô lệ chính là giải thoát cho quyền con người, giải phóng cho dân tộc, nhân dân, đất nước. Trong tác phẩm "Hải ngoại huyết thư" của Phan Bội Châu đã đi sâu phân tích những khó khăn, khổ ai, đàn áp tự do, quyền con người của thực dân Pháp. Tội nợ là do vua quan, do chế độ chuyên chế, nhưng trách cứ thì phải trách cứ ở dân. Trách nhiệm cứu nguy phải đặt lên vai dân. Vì dân mới là chủ. Phan Bội Châu viết:

Người dân ta, của dân ta/ Dân là dân nước, nước là nước dân/... Sông phía Bắc, bể phương Đông/ Nếu không dân cũng là không có gì. Dân quyền mà được đề cao thì nhân dân được tôn trọng mà nước cũng mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ thì dân bị coi khinh mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất, mà nước cũng mất [4, tr.386].

Phan Bội Châu cho rằng, hạnh phúc của bản thân ta, chỉ khi nào tất cả đồng bào đều sung sướng, khi đó mới có thể nói hạnh phúc chân chính của ta được. Vì cả đồng bào mà mưu hạnh phúc thì dù có hy sinh bản thân cũng

không nên tiếc. Không phải như thế là không thương tiếc thân ta, mà chính ra rất thương tiếc thân ta đấy. Vì hạnh phúc đã khắp đồng bào thì bản thân ta khoái lạc và vinh quang mới rất mực vậy.

Những người đã rất yêu bản thân thì rất yêu đồng bào, mà đã rất yêu đồng bào tất yêu quốc gia, mà đã thật yêu quốc gia tất hy sinh vì quốc gia mà bỏ hết sự tư lợi của mình, đem hết sức mình ra bảo vệ tổ quốc. Nghĩa đồng bào thực là nguyên khí của quốc gia vậy. Ở đây, yêu nước là yêu đồng bào, yêu mình, lợi ích của quốc gia phải gắn liền với lợi ích của đồng bào và của bản thân... [4, tr.55].

Trong chiều ngược lại, quyền con người được nhà cầm quyền tôn trọng, nhưng chính mỗi con người cũng phải có nghĩa vụ với nhà nước, với quốc gia. Tức là quyền và nghĩa vụ không tách rời nhau. Quyền của mình phải gắn với quyền của tập thể. Bên cạnh con người cộng đồng, còn có con người cá nhân. Giữa con người cộng đồng và con người cá nhân có quan hệ mật thiết với nhau. Phan Bội Châu cho rằng, dân quyền không thể tồn tại biệt lập với quốc quyền mà trái lại, giữa chúng có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, trong đó dân quyền luôn được ông đề cao. Cũng theo ông, quyền của quốc gia cuối cùng và thực chất cũng là quyền lực của người dân. Người dân đã tạo nên quyền của mình và quyền của quốc gia mình. Quyền của người dân phải được coi là giá trị cốt lõi, là then chốt của quyền lực Nhà nước. Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền lực Nhà nước, trong quá trình thực hiện phải chịu sự giám sát, quản lý chặt chẽ của nhân dân và Chính phủ không được lạm quyền, lộng quyền, mà phải sử dụng đúng quyền, không được biến chất để trở thành quyền lực độc đoán của bất kỳ một cá nhân nào khác. Quyền lực nhà nước phải tập trung thì nhà nước và chính phủ, tức là cả cơ quan lập pháp và hành pháp mới thực hiện được nghĩa vụ của mình đối với dân. Nhân dân phải có nghĩa vụ kiểm tra Nhà nước, giám đốc sự chấp hành quyền lực

Nhà nước của Chính phủ. Chỉ có thực hiện những nghĩa vụ đó thì quốc quyền và dân quyền mới được đảm bảo. Xét về thực chất, dân quyền là cơ sở, nền tảng của quốc quyền, còn nhà nước không có quyền mà chỉ là thực hiện sự ủy quyền của dân.

Theo Phan Bội Châu, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa chính phủ và nhân dân thì nhân dân là cái cơ bản và then chốt. Do đó, nhân dân phải có trách nhiệm giám sát hoạt động của Chính phủ, có như vậy dân quyền mới được tôn trọng và đề cao. Để bảo vệ và đảm bảo được quyền con người, Phan Bội Châu cho rằng, quan trọng nhất là phải thay đổi chính thể của nhà nước. Phan Bội Châu đã tuyên bố và chỉ rõ cho mọi người thấy rằng: Phải xoá bỏ chính thể quân chủ, vì đó là một chính thể rất xấu xa. Chính thể Dân chủ cộng hoà là một chính thể rất tốt đẹp. Quyền bính của nước nhà là của chung toàn dân do nhân dân quyết định. Những dấu vết độc hại của chính thể chuyên chế không còn nữa. Tháng 3/1929, Phan Bội Châu đã khởi thảo Hiến pháp nước Việt Nam gửi bạn bè, được bạn bè góp ý là chưa cần Hiến pháp vì mất nước, dân nô lệ thì làm gì có Hiến pháp, sau đó Cụ tụt đi [5, tr.71].

*Thứ hai: Quyền con người phải gắn liền với dân trí và nâng cao dân trí là cơ sở để thực thi dân quyền cho nhân dân.*

Tư tưởng của Phan Bội Châu về vấn đề dân quyền cần trí tuệ, dân quyền phải đồng hành với dân trí. Ông cho rằng, dân trí lên cao thì dân quyền được tôn trọng, dân quyền được tôn trọng thì nước mạnh. Điều đó có nghĩa là, dân trí cao thì nước mạnh, dân trí thấp thì nước yếu. Theo ông, dân quyền phải dựa vào dân trí. Người dân cho dù có quyền lực nhưng không có tri thức thì làm sao đủ điều kiện để nhận thức, để bàn luận, để đề xuất để kiểm tra. Nếu có thì cũng chỉ là hình thức mà thôi. Dân quyền phải gắn chặt với dân trí. Đó là yêu cầu vừa có tính cấp thiết, vừa có tính lâu dài. Do đó, nâng cao dân trí là một trong những nhiệm vụ chiến lược trong tư tưởng của Phan Bội

Châu. Dân quyền sẽ được đề cao trên cơ sở nâng cao dân trí. Trước thực trạng của dân trí nước nhà, Phan Bội Châu cho rằng cần phải nhanh chóng xóa bỏ hủ tục, đổi mới giáo dục, xóa bỏ tính ỷ lại, xây dựng "não chất độc lập", xóa bỏ sự ngu dại, sự nghi kỵ, sự chia lìa, xây dựng niềm tin trên cơ sở khoa học để cùng hợp lực bàn tính, thực hiện những công việc chung, đấu tranh vì lợi ích chung. Bởi vì, thực tế cho thấy, không thể có dân quyền thực sự khi người dân chưa thoát khỏi sự mê muội và tăm tối về trí tuệ. Trình độ dân trí thấp kém thì khó mà tôn trọng và đề cao dân quyền. Trình độ dân trí thấp kém thì người dân khó mà sử dụng một cách chủ động và tối đa quyền lực của mình.

Pháp luật của nhà nước nếu không dựa vào trí tuệ thì chỉ là cưỡng bức thô thiển và không thể tồn tại lâu dài được. Nếu không dựa trên trình độ dân trí thì dân quyền chỉ là hình thức, pháp luật của nhà nước chỉ là sự áp đặt từ bên trên và bên ngoài chứ không phải do nhu cầu nội tại của mỗi người dân trong đời sống xã hội. Giáo dục cũng là cái gốc để gây dựng nền chính trị. Thuế khoá, hình pháp mọi sự đều do đó mà định. Hoạt động chính trị phải dựa trên tri thức, nâng cao trình độ học vấn của người dân là cơ sở vững chắc để xác lập vị thế, sự sống còn, sự giàu mạnh của đất nước cũng như của mỗi người dân. Phàm người trong một nước mà giàu mạnh được có thể cùng thế giới tranh đua, giành sự sống còn, tất phải lấy giáo dục làm cơ sở. Phan Bội Châu chủ trương quân chủ chỉ là sách lược nhất thời, và ông cho rằng: "*Dân không còn nữa mà chủ với ai*" [4, tr.23].

Dân quyền, dân trí, văn minh của nước nhà là một thể thống nhất không thể chia cắt và có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nước Việt Nam phải do người Việt Nam làm chủ bằng bản lĩnh và trí tuệ của mình. Trí tuệ cần phải được nâng lên thông qua con đường giáo dục. Bởi vì, dân là chủ nước, nước là của dân. Với khẳng định đó, Phan Bội Châu tin tưởng rằng sau khi duy tân rồi, thì dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền

sẽ phát đạt, vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ. Nâng cao dân trí cũng là giải pháp để đòi lại dân quyền.

Quan điểm dân quyền nói trên thể hiện yêu cầu cần phải giải phóng mọi người thoát khỏi hệ tư tưởng phong kiến, thoát khỏi nạn "óc đỏi", thức tỉnh mọi người, nâng cao trình độ và sự giác ngộ cho mọi người. Nâng cao dân trí cũng nhằm chủ động tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng dân chủ và dân quyền của phương Tây. Quan điểm này còn thể hiện sự chuyển biến tích cực mới mẻ trong tư tưởng của Phan Bội Châu, từ quân chủ sang dân chủ, từ quân quyền sang dân quyền, từ "tôn quân" sang "tôn dân". Và, ở một mức độ nào đó, xét theo khuynh hướng phát triển, có thể nói, từ xã hội thần dân sang xã hội công dân [12, tr.37].

Phan Bội Châu cho rằng, mọi người trong nước ai cũng phải đi học, chi phí học tập cho mọi người đều do nhà nước và xã hội gánh chịu. Nội dung giáo dục phải gắn với cuộc sống, phải hướng đến bồi dưỡng lòng yêu nước, khai dân trí, giúp dân quyền. Giáo dục phải giúp cho con người làm chủ vận mệnh của nước nhà, chứ không phải giống như nền giáo dục đương thời mà thực dân Pháp thực hiện ở nước ta nhằm biến người dân Việt Nam thành những con trâu, con ngựa ngoan ngoãn những tên nô lệ mắt mù, tai điếc, chân tay tê liệt, những kẻ chỉ biết cúi đầu phục tùng. Quan niệm này của Phan Bội Châu không những có tác dụng lay động, thức tỉnh nhân dân ta, mà còn đẩy lên các phong trào Duy Tân, Đông Du hoạt động khá sôi nổi ở nước ta, trong hai thập niên đầu của thế kỷ XX. Nó còn đáp ứng được khát khao cháy bỏng về một nước Việt Nam mới do người Việt Nam làm chủ [4, tr.89].

*Thứ ba: Dân quyền, quyền lực của nhân dân cũng được hiểu là: Dân được nhà cầm quyền, nhà cai trị yêu thương, trân trọng: "Dân vi bang bản", "Dân vi quý".*

Theo quan điểm của Phan Bội Châu, trời giao dân cho vua để vua chăn

đất, nuôi nấng và dạy dỗ và vì vậy theo trị đạo của Nho giáo, vua phải là cha mẹ dân và như vậy có nghĩa là "dân chi sở hiếu, hiếu chi, dân chi sở ố, ố chi", yêu ghét đúng cái mà dân yêu ghét. Theo cách hiểu như vậy, "dân là quý", dân cao hơn, phải được coi trọng hơn xã tắc và người làm vua, "dân là gốc nước" đều phải hiểu theo tinh thần quan bản vị, phải với một tiền đề dân nước ngôi vua đều thuộc về vua, chủ quyền thuộc về vua, dầu chủ quyền theo thiên mệnh có khác với quyền sở hữu. Trên cơ sở của tư tưởng chủ quyền như vậy, người làm vua phải ý thức đầy đủ sức mạnh của nước cũng tức là của mình từ dân mà ra cho nên phải biết nuôi dân, bồi dưỡng sức dân.

Tư tưởng nhân quyền của Phan Bội Châu hướng trực tiếp đến người dân, lấy người dân là trọng tâm. Dân làm chủ, đất nước là của nhân dân, và người dân phải làm chủ vận mệnh của đất nước. Nhân quyền ở đây gắn với dân quyền, gắn với những quyền lợi của nhân dân. Phan Bội Châu cắt nghĩa rất sâu sắc về quyền con người rằng, nhân quyền là quyền của con người, quyền làm người: Quyền của người mà cũng nghĩa là quyền làm người. Quyền của con người là quyền mà người đó đáng được hưởng và người khác, nhà nước trân trọng. Quyền làm người tức là đã một con người tất cả các quyền được làm người mà không phải làm trâu ngựa. Ông quan niệm rất tiên bộ, coi sự bình đẳng giữa nam và nữ. Nữ quyền với nam quyền tất cả thâu nạp vào trong hai chữ "nhân quyền". Con trai là người, con gái cũng là người, ở trong hai chữ "quyền người" đã bao bọc cả rồi không phải phân biệt nam quyền nữ quyền, nếu phân biệt nam quyền nữ quyền cũng là dư.

Theo công pháp vạn quốc đã định, được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái ấy đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập; nhân dân còn thì nước còn; nhân dân



mất thì nước mất. Muốn biết nhân dân còn mất như thế nào thì phải nhìn xem cái quyền của nhân dân còn mất như thế nào. Dân quyền mà được đề cao thì nhân dân được tôn trọng, mà nước cũng mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ, thì dân bị coi khinh, mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất, mà nước cũng mất [5, tr.32].

Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu coi con người chẳng những là tiêu chí mà còn là hạt nhân chi phối các yếu tố cấu thành một nước. Cái quan trọng đó còn hay mất lại phụ thuộc vào dân quyền. Điều có ý nghĩa sâu sắc nhất ở đây chính là Phan Bội Châu đã xác định rõ vai trò và vị trí của dân quyền đối với vận mệnh của đất nước. Đó là điều mà hầu hết các nhà Nho yêu nước cùng thời với Phan Bội Châu không dễ gì có thể nhận thức được. Những tư tưởng về quyền con người của Phan Bội Châu tiến bộ vượt qua thời đại, đặc biệt là tư tưởng "dân quyền mà mất thì dân mất, nước mất". Những tư tưởng này cho đến hiện nay vẫn còn nguyên giá trị của nó.

### **1.3. Tư tưởng quyền con người của Phan Châu Trinh**

#### ***1.3.1. Thân thế, sự nghiệp của Phan Châu Trinh***

Phan Châu Trinh (hiệu là Tây Hồ, Hy Mã), tự là Tử Cán, sinh năm 1872, người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Thân sinh là Phan Văn Bình, một võ quan nhỏ, từng tham gia phong trào Cần Vương trong tỉnh Quảng Nam, làm chuyển vận sứ phụ trách việc quân lương. Năm 1892, Phan Châu Trinh đi học và nổi tiếng học giỏi, cùng thời có Huỳnh Thúc Kháng, sỹ phu yêu nước từng được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời tham gia Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa trong những ngày nước Việt Nam mới giành được độc lập.

Con đường học tập của Phan Châu Trinh khá suôn sẻ với học hành, thi cử đều đỗ đạt. Năm 1900, ông đỗ Cử nhân, năm 1901, ông đỗ Phó bảng, năm 1902, ông vào học Trường Hậu bổ, sau ra làm Thừa biện Bộ Lễ. Ít lâu sau ông

bỏ quan, hoạt động cứu nước. Ông kết giao với nhiều sỹ phu yêu nước như Huỳnh Thúc Kháng và Phan Bội Châu. Đó là năm 1906, ông bí mật sang Trung Quốc gặp Phan Bội Châu, trao đổi ý kiến rồi cùng sang Nhật Bản để tiếp xúc với nhiều nhà chính trị và tìm hiểu về cuộc Duy tân. Về nước, với phương châm tự lực khai hóa và tư tưởng dân quyền, Phan Châu Trinh cùng Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đi khắp tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận để vận động cuộc Duy Tân. Khẩu hiệu của phong trào lúc bấy giờ là: “Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh”. Năm 1908, phong trào chống sưu thuế Trung Kỳ nổ ra và bị nhà cầm quyền Pháp đàn áp dữ dội. Phan Châu Trinh cùng nhiều thành viên trong phong trào Duy Tân bị buộc tội đã khởi xướng phong trào này nên bị bắt, kết án, đày đi Côn Đảo. Nhờ dư luận trong nước và nhờ có sự vận động của Hội nhân quyền ngay trên đất Pháp, đến năm 1910, ông được đưa về đất liền, sau đó được đưa sang Pháp.

Ở Pháp, ông gửi đến Hội nhân quyền Pháp bản điều trần về vụ trấn áp những người chống sưu thuế tại Trung Kỳ năm 1908. Sau một thời gian hoạt động ở Pháp không thu được kết quả, Phan Châu Trinh nhiều lần xin về nước, nhưng chỉ đến năm 1925, khi sức khỏe đã suy yếu, nhà cầm quyền mới chấp thuận. Năm 1925, Phan Châu Trinh cùng Nguyễn An Ninh xuống tàu rời Pháp về Sài Gòn. Năm 1926, Phan Châu Trinh qua đời tại Sài Gòn. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, nổi bật là "Đầu Pháp chính phủ tư năm 1906", "Tây Hồ thi tập", "Trung Kỳ dân biến thì mạt ký" năm 1912, "Santé thi tập" năm 1915... [38, tr.620, 621].

### ***1.3.2. Tư tưởng quyền con người của Phan Châu Trinh***

*Thứ nhất: Quyền của con người phải gắn với quyền làm chủ thật sự của nhân dân đối với vận mệnh của đất nước, chấn hưng đất nước, đưa đất nước phát triển.*

Trong các sỹ phu yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phan

Châu Trinh là người có quan điểm rõ ràng nhất về quyền con người và quyền của công dân trong đất nước. Ông dành nhiều thời gian, nhiều bài viết để luận bàn về vấn đề quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân mà trọng tâm là người dân phải làm chủ vận mệnh của đất nước. Điều này hoàn toàn khác với quan niệm của vua quan phong kiến: Vua là "Thiên tử", thay trời hành đạo và người quyết định mọi vận mệnh của đất nước. Phan Châu Trinh thì lý giải hoàn toàn ngược lại, ông đã nhìn thấy được vai trò của người dân trong phong trào chấn hưng đất nước, giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc. Vì vậy, một trong những nội dung quan trọng nhất của tư tưởng dân chủ, quyền con người Phan Châu Trinh là: "khai dân trí", "chấn dân khí", "hậu dân sinh".

Tư tưởng "khai dân trí" của Phan Châu Trinh được nhấn mạnh rằng, dân trí phải được giáo dục mới có, nhưng giáo dục không phải là lối học tầm thường, cũ rích từ khoa cử của Nho giáo. Phan Châu Trinh cho rằng, cần phải truyền bá quốc ngữ, mở trường dạy học những kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa và qua văn thơ báo chí, tuyên truyền theo đường lối giáo dục của tư tưởng dân chủ tư sản.

Khai dân trí theo Phan Châu Trinh được hiểu đơn giản là học, học kiến thức, tư tưởng tiên tiến. Thông qua việc học để mở mang kiến thức và tìm được con đường giải phóng cho chính mình, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước và góp sức cùng đất nước phát triển đi lên. Muốn có kiến thức phải có học, và muốn có học phải có trường để giảng dạy, vì vậy, Phan Châu Trinh chủ trương khuyến khích mở mang càng nhiều trường học càng tốt. Trong các trường học, tuyển dụng các thầy giáo giỏi, mang trí, tài để góp sức đào tạo, giáo dục cho mọi người, qua đó mở rộng trí thông minh của mỗi người và thức tỉnh lòng người. Phong trào Duy Tân là cuộc cách mạng lớn trên mọi lĩnh vực đầu thế kỷ XX. Các trường dạy thêm chương trình chữ Quốc ngữ lan rộng khắp nẻo đường của đất nước. Vua Thành Thái thường cải trang vi hành,

nghe và ảnh hưởng phong trào Duy Tân, cắt bỏ cục tóc trên đầu, các quan nhạc nhiên lúc ngài ngự triều, nhà vua tự làm gương để xướng theo Duy Tân cải cách sinh hoạt để thúc đẩy dân tiến. Các nhà nho như cụ Phương Nam, Đỗ Chân Thiết, Lương Trúc Đàm (1879-1908) là những người tiên phong cắt tóc ngắn và ăn mặc Âu phục với hàng nội hóa [20, tr.95].

Ngoài việc giảng dạy là chính trường còn tổ chức những buổi diễn thuyết, bình thơ văn, cổ động học chữ quốc ngữ, lập ra các “Hội bun” gọi là “Quốc thương” để kiếm tiền nuôi thầy giáo mở thêm trường học, cung cấp sách vở cho học sinh. Sau một thời gian ngắn, nhiều trường học, cơ sở văn hóa đã tổ chức rải rác ở khắp các vùng quê tỉnh Quảng Nam, nhằm tạo ra một mẫu người toàn vẹn với bộ óc sáng suốt trong một thân thể tráng kiện. Một số trường học nổi bật được hình thành trong thời kỳ này như trường Dục Thanh (Phan Thiết), do các cụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng. Trước khi lên tàu buôn Pháp tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc lúc đó với tên gọi là Nguyễn Tất Thành đã có thời gian giảng dạy ở trường Dục Thanh mà Phan Châu Trinh đồng sáng lập.

Cũng như những nhà cách mạng tiên tiến thời bấy giờ, Phan Châu Trinh hiểu rất rõ nguyên nhân triều đình phong kiến Việt Nam phải chịu sự "bảo hộ" của thực dân Pháp và vì sao Việt Nam bị xâm lược. Đó là người Việt đã bị yếu kém về tri thức, tụt hậu rất xa so với các quốc gia phương Tây về mọi mặt, đặc biệt là khoa học, công nghệ. Điều này cũng lý giải vì sao quân đội phong kiến Việt Nam nhanh chóng bị thất thủ trước quân đội viễn chinh Pháp. Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không còn con đường nào khác là phải đuổi kịp về mặt tri thức đối với các dân tộc khác, đưa dân tộc lên ngang tầm thời đại với các dân tộc khác. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể cùng sinh tồn và cạnh tranh với họ.

Phát triển đến cao trào phong trào "Khai dân trí", "chấn dân khí" là

năm 1906 khi Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã "hợp lực" phát động phong trào "Duy Tân" – đổi mới cách tư duy để phát triển cùng với thời đại. Để mở mang dân trí, phải tiến hành học thực dụng cốt để phục vụ cuộc sống dân sinh chứ không phải là học thơ văn, phù phiếm của người xưa. Phan Châu Trinh là người rất ham học hỏi và biết nhiều nghề, đi đến đâu ông đều kêu gọi mọi người phát triển hội nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế. Còn học thuật, ông quan niệm cần phải đổi mới về nội dung, phương pháp, đặc biệt là chú trọng phát triển khoa học, kỹ thuật.

Đối với nền văn minh phương Tây, ông rất ngưỡng mộ, theo ông cần phải học hỏi cái hay, biết cái dở của họ để vận dụng vào phát triển và mở mang dân trí. Ông đã nhận thấy những giá trị văn minh của phương Tây, đi ngược lại tư duy truyền thống “trọng Đông, khinh Tây”. Phan Châu Trinh quan niệm rằng, đem cái sự học Âu Tây để so sánh lại với cái học cũ của ta, để xem điều gì hay, điều gì dở, cho người ta xét đoán mà tìm lấy đường tắt tới về sau [40]. Phan Châu Trinh khảo cứu lịch sử nước nhà và đi đến kết luận:

Lấy lịch sử mà nói thì dân tộc Việt Nam không phải là một dân tộc hèn hạ, mà cũng không phải là một dân tộc không thông minh, thế thì vì lẽ nào ở dưới quyền bảo hộ hơn 60 năm nay mà vẫn còn mê mê muội muội, bịt mắt vít tai không chịu xem xét, không chịu học hỏi lấy cái hay cái khéo của người [7, tr.787].

Không chỉ phát triển dân trí, Phan Châu Trinh còn có nhiều quan điểm, chính sách nhằm khuyến khích sự phát triển của kinh tế, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy đời sống của người dân ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Theo quan niệm cũ, trong xã hội phong kiến, kinh tế không được coi trọng, mà xem việc buôn bán, làm ăn, phát triển kinh tế trong xã hội là việc làm kém nhất trong thứ bậc của xã hội phong kiến: Có câu “Nhất sĩ, nhì nông, công thương mạt nghệ”. Người ta trọng kẻ làm việc bằng trí óc mà

khinh kẻ làm việc bằng chân tay. Người ta cho rằng người lao tâm là trị người ta mà người lao lực thì người khác trị (lao tâm đã tự nhân, lao lực đã trị ư nhân). Trước kia sĩ phu mở miệng ra là nói nhân nghĩa đạo đức chứ không nói đến quyền lợi. Quyền lợi kinh tế không được bàn bạc hoặc thường trực trong suy nghĩ của người quân tử.

Trong thời đó, dân khí được bị suy nhược nghiêm trọng do sự áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân, phong kiến. Phan Châu Trinh cho rằng, phát triển kinh tế đó là phát triển các nghề thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống của người Việt Nam. Đặc biệt, thương nghiệp cổ vũ cho việc buôn bán lớn và dùng hàng nội hóa, mở rộng thương trường trong nước, đẩy mạnh ngoại thương, nhất là lập các hội buôn. Theo lời hô hào của các sĩ phu cải cách, tại Quảng Nam trung tâm của phong trào Duy Tân - xuất hiện nhiều hiệu buôn như, Quảng Nam hiệp thương công ty do Nguyễn Quyền quản lí với vốn phần hơn 20 vạn đồng. Ở Nghệ An, Ngô Đức Kế lập ra Triệu Dương thương quán, công ty Liên Thành ở Phan Thiết chuyên kinh doanh nước mắm. Việc khuyến khích tự do buôn bán đã tạo điều kiện cho cá nhân tự do lựa chọn nghề nghiệp, tự do đi lại, tự do giao thương.

Muốn “chấn dân khí” còn phải nâng cao quyền của mỗi người dân, dân quyền. Có một cao trào đấu tranh của hàng vạn người tham gia chống thuế, mở rộng nhân quyền, cải thiện dân sinh. Bên cạnh việc nâng cao dân quyền thì cần phải giáo dục cho quần chúng nhân dân ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của chính họ, làm cho người dân thấy được vị trí của mình trong xã hội, trong nhà nước và vai trò của mình với đất nước, với dân tộc. Việc giáo dục ý thức dân quyền cho người dân phải được tổ chức qua những bước như nâng cao nhận thức của mình và trách nhiệm của mình trong việc chung của đất nước, của dân tộc thông qua việc cùng nhau gánh vác việc chung của đất nước. Người được dân bầu ra phải ý thức được mình là đại diện cho dân cho

nước. Quan trọng hơn, người dân phải được tự do lập hội làm ăn, buôn bán dệt vải nuôi tằm trồng cây, làm ruộng và về phía nhà cầm quyền phải bỏ áp bức bóc lột bất công, bỏ sưu cao thuế nặng. Phan Châu Trinh đã đưa đến cho nhân dân ý thức về quyền dân được mở mang trí tuệ như tự do học tập, tự do đọc sách báo tiến bộ, xóa bỏ tập quán, phong tục lạc hậu, xây dựng lối sống văn hóa, văn minh.

Phan Châu Trinh đưa ra hình mẫu người dân thời đại mới được gọi là "Tân dân", với những tư tưởng tiến bộ như người dân dám từ bỏ nhân sinh quan lạc hậu, có ý thức và biết cách thực hiện quyền được học tập, suy nghĩ, mưu sinh. Muốn vậy, trước hết dân phải được giáo dục, nâng cao "dân trí", từ đó "chấn dân khí" và nâng cao đời sống của dân sinh - "hậu dân sinh". Phong trào nhân quyền và dân quyền thể hiện rõ ảnh hưởng của cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ. Khi phong trào đã đi vào quần chúng nông dân đang phải chịu cảnh lầm than, cơ cực dưới chế độ thực dân phong kiến thì phong trào quần chúng vượt qua những hạn chế các sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Công cuộc đấu tranh đã gây được tiếng vang quốc tế, có ảnh hưởng sâu rộng, góp phần tác động tới những người có tinh thần tiến bộ vì quyền con người trên thế giới.

*Thứ hai: Muốn đảm bảo được quyền con người cần phải cải thiện đời sống nhân dân, từ tinh thần đến vật chất, lấy con người làm trung tâm để phát triển xã hội và đất nước.*

Phan Châu Trinh cho rằng, dân quyền cũng đồng nghĩa với việc nâng cao đời sống về mọi mặt cho nhân dân, đó là "Hậu dân sinh" - được hiểu là cải thiện đời sống cho nhân dân, nâng cao toàn diện cuộc sống vật chất và tinh thần cũng như về các mặt khác như kinh tế, văn hóa, xã hội ở hiện tại và tương lai. Muốn có được đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện cần phải phải xóa sạch mọi tàn dư, chướng ngại của chế độ phong kiến, từng bước một

cố gắng dành cho được độc lập dân tộc, xây dựng được một nhà nước tư sản dân chủ vững mạnh, một xã hội công bằng, phồn vinh, thực hiện bình đẳng xã hội, đất nước phải có pháp luật kỉ cương.

"Hậu dân sinh" của Phan Châu Trinh cũng đòi hỏi đổi mới từ nếp nghĩ, cách học, cách làm từ trong mỗi người dân. Bằng các hình thức tuyên truyền cổ động bài bác "hủ Nho" vốn đã ăn sâu vào tiềm thức dân ta, những lễ giáo đạo đức phong kiến dùng để củng cố địa vị của mình. Nhưng Phan Châu Trinh cũng hiểu rất rõ rằng, làm cho dân thoát khỏi tư tưởng "ngu trung" thật không phải dễ. Bên cạnh đó cần phải thực hiện các phong tục "thái Tây", dùng chữ quốc ngữ tuyên truyền cổ động yêu nước nghĩa đồng bào và các tiêu chuẩn đạo đức của người công dân. Một mặt làm cho dân nhận rõ những "hủ tục" của Nho giáo. Là một nhà nho, Phan Châu Trinh khác với những người đương thời ở chỗ ông dám mạnh dạn phê phán, đả kích những giá trị của Nho học cũ [36, tr.229].

Ông đã nhận thấy được sức mạnh phục hưng độc lập dân tộc là phụ thuộc vào sức mạnh chấn hưng nghề nghiệp, nâng cao tiềm lực kinh tế, tài chính của đất nước. Bên cạnh đó, Phan Châu Trinh còn kêu gọi mọi người phải thay đổi các phong tục, lối sống sinh hoạt cho phù hợp với lối sống mới, từ đó đã tạo ra sự đổi thay trong lề lối, nếp sống của xã hội ta lúc bấy giờ.

Đối với đời sống tinh thần, Phan Châu Trinh cho rằng, Nhà nước cần phải tạo ra sự cơ chế để người dân làm chủ đất nước. Quan niệm về dân chủ và chủ nghĩa dân chủ được Phan Châu Trinh trình bày trong bài diễn thuyết "Quân trị chủ nghĩa" và "Dân trị chủ nghĩa" - một trong hai bài viết cuối cùng của ông, đồng thời cũng là một trong hai bài viết được ông phát biểu chính thức với quốc dân đồng bào sau mười bốn năm lặn lội trên đất Pháp. Qua bài diễn thuyết, Phan Châu Trinh muốn giải thích cho mọi người hiểu rõ thế nào là chủ nghĩa quân chủ, chủ nghĩa dân chủ, cũng như lợi hại của mỗi chủ



nghĩa. Chính tác giả cũng đã nói đến chỗ hạn chế trong ấy trong phần đầu bài diễn thuyết của mình.

Trong phần nói về dân chủ, Phan Châu Trinh trình bày ba nội dung: tình hình dân trí nước ta đối với vấn đề quân chủ, dân chủ; lược sử chế độ dân chủ; và thế nào là chính thể dân chủ. Ở nội dung thứ nhất, đánh giá tình hình dân trí nước ta đối với vấn đề quân chủ, dân chủ, Phan Châu Trinh đã so sánh trong khi các nước bên Âu châu, nước nào cũng có đảng dân chủ ở trong thượng, hạ nghị viện cả, duy nước ta, ngay những người có ăn học thì cái chữ “republique” (cộng hòa) luôn ở trên miệng, nhưng không hiểu nghĩa lý ra thế nào hưởng chi người dân quê, đã không biết dân chủ là gì đối với vua thì thờ ơ như thần thánh. Từ đó ông phân tích rằng, vì cái độc quân chủ dân chỉ biết vua mà không biết nước nên phải “đem cái tội bù nhìn ở Huế đó vứt hết cả đi”. Trong phần lược sử chế độ dân chủ, Phan Châu Trinh đã nêu lên một cách khái quát hai hình thức dân chủ trong lịch sử, đó là nền dân chủ chủ nô thời Hy Lạp cổ đại và dân chủ tư sản Anh quốc. Ở đây, ông chưa phân tích bản chất, đặc tính và những nguyên tắc của từng hình thức dân chủ đó, mà chỉ mới giới thiệu về sự tồn tại những “cái hội” mà “phạm những luật vua quý tộc đã đặt ra thì phải giao hội ấy xem xét, có bằng lòng thì mới được làm” [17].

*Thứ ba: Gắn quyền con người với quyền được mở mang dân trí, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của mỗi người dân.*

Mặc dù rất đau xót trước cảnh người Pháp ngược đãi người Việt Nam, quan điểm của Phan Chu Trinh trước mắt chưa nên đặt nhiệm vụ khôi phục chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, mà nhiệm vụ cấp bách là phải: Khai dân trí, tức là bỏ lối học tầm chương trích cú, mở trường dạy chữ Quốc ngữ, kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa. Phan Châu Trinh yêu cầu chính quyền thuộc địa sửa đổi chính sách cai trị hiện hành để có thể giúp nhân dân Việt Nam từng bước tiến đến văn minh. Ông đề cao phương châm "Tự

lực khai hóa", vận động những người cùng chí hướng thức tỉnh dân chúng, tuyên truyền tư tưởng dân quyền.

Theo quan điểm của Phan Châu Trinh, muốn phát triển đất nước, dân tộc ta phải tiếp thu những giá trị văn hóa phương Tây và văn hóa phương Đông, kết hợp hài hòa truyền thống và hiện đại, đặc biệt là về tư tưởng dân chủ, về chính trị, về phát triển ngành nghề, về khoa học kỹ thuật. Phan Châu Trinh đã triển khai tư tưởng dân chủ trong thực tế, cổ vũ, động viên mở mang nhiều ngành nghề, xây dựng nhiều hội nghề, buôn bán nhằm phát triển đời sống dân sinh. Đây là những tư tưởng mới, xóa bỏ những quan niệm cũ của xã hội phong kiến, và từ tư tưởng triển khai ra hiện thực một cách sáng tạo và thiết thực, phù hợp với yêu cầu của lịch sử dân tộc và thời đại.

Phan Châu Trinh chủ trương phát triển kinh doanh, lập các hiệu buôn, mở mang thương nghiệp, dạy cho dân có nghề nghiệp sinh nhai, lập các hội khai hoang, mở mang đồn điền cho hết địa lợi. Nếu mỗi lợi làm không đủ sức thì xin chính phủ trợ cấp. Ông đặc biệt lên án bọn tham quan ô lại, và ông đề cao những người có đầu óc thực nghiệp. Ông cho rằng ở trên đời ai muốn phú quý phong lưu không tui với lương tâm thì chỉ ra đi buôn bán, làm ruộng sinh nhai là được sang trọng và được nhiều lời mà không phạm đến tội ăn tiền hối lộ của quốc dân.

Phan Châu Trinh cũng quan niệm rằng, một dân tộc muốn phát triển kinh tế phải tiến hành phát triển ngành nghề nhằm tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ đời sống xã hội. Đặc biệt, trong quá trình giao lưu với văn minh phương Tây, cũng như khi đọc những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, Phan Châu Trinh rất tâm đắc đề nghị của Nguyễn Trường Tộ với nhà vua là cần phải nhanh chóng cho người sang phương Tây học nghề. Ông viết: “Mau mau đi học lấy nghề/ Học rồi, ta sẽ đem về dạy nhau”. Việc mở mang ngành nghề với mục đích phát triển kinh tế là một trong những nội dung Phan Châu Trinh

rất quan tâm. Tính chất nền kinh tế mà Phan Châu Trinh quan niệm không phải là kinh tế tự cung, tự cấp mà là nền kinh tế hàng hóa. Phan Châu Trinh cho rằng “ai nắm việc thương mại thì nắm được thế giới” (Qui tient le commerce tient le monde) [33, tr.37].

Phan Châu Trinh đã nhận thức được vai trò của việc phát triển nghề nghiệp cho phát triển kinh tế xã hội nói chung. Ông đặt ra chương trình tự lập các hội trồng cây, dệt vải, hội buôn, các cơ sở sản xuất hàng hóa, buôn bán hàng nội trú nhằm phục vụ và chấn hưng nền sản xuất của đất nước. Đây có thể nói là một phát hiện mới góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong xã hội. Theo ông, muốn phát triển kinh tế đất nước phải chú trọng đẩy mạnh phát triển các ngành công thương, đồng thời cải tạo nông nghiệp, khai khẩn đất đai đưa vào sản xuất nông nghiệp, mở rộng giao lưu kinh tế với các nước láng giềng. Bản thân Phan Châu Trinh cũng rất chú trọng trong hoạt động thực tiễn trong phong trào sản xuất, phát triển nghề nghiệp, ông là người đã trực tiếp tự học nghề làm đồi mỗi khi bị đày ở Côn Đảo (1908-1910), tự học làm nghề rửa ảnh khi ở Paris.

Có thể xem Phan Châu Trinh là người có tư tưởng dân chủ sớm nhất trong số các nhà nho yêu nước tiên bộ đầu thế kỷ XX. Đặc biệt hơn nữa là con đường ông chọn là con đường dân thân tranh đấu nhưng ôn hòa, bất bạo động. Phan Châu Trinh xem vấn đề dân chủ còn cấp bách hơn độc lập và tin rằng có thể dùng luật pháp, cách cai trị có quy củ theo kiểu Âu Mỹ để quét sạch những hủ bại của phong kiến. Với tinh thần yêu nước nồng nhiệt, suốt đời gắn bó với vận mệnh đất nước, với cuộc sống sôi nổi, gian khổ và thanh bạch, ông xứng đáng để hậu thế ngưỡng mộ.

Phan Châu Trinh rất hoan nghênh việc Phan Bội Châu đã vận động được một số học sinh ra nước ngoài học tập và phổ biến những tài liệu tuyên truyền giáo dục quốc dân trong nước. Song, ông phản đối chủ trương bạo động và tư

tướng bảo hoàng của Phan Bội Châu. Trong thư gửi cho Toàn quyền Beau de Lamoignon ngày 15 tháng 8 năm 1906, Phan Châu Trinh chỉ trích Chính phủ Pháp không lo mở mang khai thác hóa cho dân mà chỉ lo thu thuế cho nhiều, do đó dân đã khổ càng khổ hơn. Ông đề nghị Chính phủ Đông Dương nên thay đổi thái độ đối với sĩ dân nước Nam, cải tổ mọi chính sách cai trị. Bức thư đã gây tiếng vang lớn trong nhân dân, công khai nói lên tâm trạng bất mãn của dân chúng và khẳng định quyết tâm cải biến hiện trạng của đất nước [41].

#### **1.4. Giá trị tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh**

##### ***1.4.1. Đối với giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc***

Dưới tác động của các trào lưu tư tưởng cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, phong trào dân tộc ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất phát triển sôi nổi và nhanh chóng chuyển mình sang một giai đoạn mới. Cùng với những tác phẩm có tính chất giáo dục, tuyên truyền mạnh mẽ về nhận thức quyền con người, nhận thức về quá trình cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước, giải phóng cho chính mình như “Hải ngoại huyết thư”, “Việt Nam vong quốc sử”, “Việt Nam quốc sử khảo”, “Khuyến quốc dân du học ca” của Phan Bội Châu; “Chi bằng học”, “Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa”, “Tây Hồ thi tập”, “Trung kỳ dân biến tụng oan thủy mặt ký” của Phan Châu Trinh... như ngọn đuốc soi đường cho nhận thức cách mạng, nhận thức về quyền làm người ở Việt Nam, dẫn dắt các phong trào đấu tranh cách mạng lên một giai đoạn mới.

Chính các tác phẩm đó đã thúc đẩy phong trào cách mạng ở nước ta: Phong trào đòi tự do dân chủ được đẩy lên từ năm 1923, rồi phát triển tới đỉnh cao vào những năm 1925 - 1926, với hai cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu và lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh. Vào tháng 6 năm 1925, để ngăn chặn các hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu,

mật thám Pháp đã bắt cóc cụ Phan Bội Châu ở Trung Quốc, rồi đưa về giam giữ tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), dự định bí mật thủ tiêu. Tin cụ Phan Bội Châu - một nhà yêu nước lớn được nhân dân kính trọng bị bắt nhanh chóng được lan truyền rộng rãi, tạo ra một xúc cảm mạnh mẽ trong các tầng lớp dân chúng cả nước. Một làn sóng đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu nhanh chóng được dấy lên. Trước áp lực đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, thực dân Pháp buộc phải đem cụ Phan ra xét xử công khai. Ngày 23/11/1925, nhiều thanh niên, trí thức yêu nước ở các tỉnh lân cận đã lên Hà Nội, vừa để bày tỏ lòng tôn kính, ái mộ cụ Phan, vừa để gây áp lực với toà án thực dân. Tại phiên toà, trước Hội đồng xử án cùng đông đảo quần chúng nhân dân, tú tài Nguyễn Khắc Doanh người làng Dầm, xã Nam Bình, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đã can đảm tự nguyện xin chết thay cho cụ Phan. Nghĩa cử này của ông đã được nhiều báo đưa tin và bình luận, thực sự gây xúc động lòng người, kích thích tinh thần yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới học sinh và trí thức trong cả nước. Trước sức mạnh của quần chúng nhân dân, thực dân Pháp buộc phải huỷ bỏ bản án chung thân khổ sai, ân xá cho Phan Bội Châu, và đưa cụ về an trí tại Huế [2].

Ngày 16/3/1926 cụ Phan Châu Trinh - một trong những lãnh tụ được mến mộ nhất của phong trào yêu nước Việt Nam từ trần. Tin cụ mất đã thực sự gây xúc động lớn trong mọi tầng lớp nhân dân. Phong trào truy điệu và để tang cụ Phan Châu Trinh ở Sài Gòn đã lan rộng trên phạm vi cả nước. Hoảng sợ trước sự phát triển rầm rộ của phong trào, thực dân Pháp đã ra lệnh cấm tổ chức truy điệu cụ Phan Châu Trinh. Hành động này không những không cấm được mà càng làm cho phong trào phát triển mạnh hơn trong khắp cả nước, đặc biệt là lực lượng học sinh, sinh viên.

Sau lễ truy điệu, chính quyền thực dân Pháp đã tìm cách ngăn chặn ảnh hưởng của phong trào. Chúng sa thải một số công nhân, đuổi học nhiều học

sinh đã tham gia phong trào đấu tranh đòi truy điệu cụ Phan Châu Trinh. Chỉ tính riêng trường Thành Chung, 54 học sinh bị đuổi hẳn, trong đó có những người sau này trở thành những lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam như Đặng Xuân Khu, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Tường Loan... và 63 học sinh khác bị đình chỉ có thời hạn, nhiều học sinh khác bị cấm thi và lưu ban. Một số thầy giáo cũng bị thuyên chuyển.

Hành động trấn áp của chính quyền thực dân đã không làm nhụt được ý chí của tầng lớp thanh niên, học sinh và trí thức cả nước. Một số học sinh bị đuổi học và tự thôi học đã quyết chí ra đi tìm con đường mới để cứu nước. Có những người vượt biên giới sang Quảng Châu, Trung Quốc tham dự các khoá huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc, được kết nạp vào Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam, sau này trở về nước đã trở thành những hạt nhân trong các phong trào đấu tranh yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

Các phong trào tập dượt cho cách mạng như phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930 - 1931, phong trào đòi quyền tự do dân chủ 1936 - 1939, hay đỉnh cao là cao trào cách mạng dành độc lập dân tộc, giải phóng đất nước 1945 đều là những thành quả của quá trình đấu tranh của nhân dân trong đó có phần công lao của các sỹ phu yêu nước đã kiên trì truyền bá tư tưởng cách mạng giải phóng con người vào Việt Nam. Đây là thành quả lâu dài, bền bỉ của việc tiếp thu, truyền bá tư tưởng quyền con người trên thế giới về Việt Nam. Cũng là hệ quả tất yếu của quá trình vận động, biến đổi nhận thức về quyền của con người trong xã hội Việt Nam trước cách mạng Tháng 8 năm 1945, mà những người có công hàng đầu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, sau này là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

#### ***1.4.2. Đối với giai đoạn hiện nay***

Với những tư tưởng tiên tiến của nhân loại, của thế giới, không chỉ dừng lại ở những tác phẩm, những bài báo đơn thuần để vận động đấu tranh

giải phóng dân tộc, dành độc lập cho đất nước, mà ngay sau đó, tư tưởng nhân quyền tiến tiến của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã trở thành phần cốt lõi của Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và sau đó là Hiến pháp 1946.

Kế thừa, phát huy và gìn giữ các giá trị tư tưởng nhân quyền của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh hệ thống pháp luật Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện nhằm đảm bảo tốt hơn quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, Hiến pháp 2013 với những giá trị con người được trở lại vị trí tương xứng của nó trong hoạt động của Nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam cần phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa nhằm phát huy giá trị mà các vị sỹ phu, cách mạng tiền bối đã tiếp thu, truyền bá vào Việt Nam.

Trong giai đoạn hiện nay, tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị quyền con người vẫn đang cần phải tiếp tục được Đảng, Nhà nước coi là nhiệm vụ trọng tâm, chiếm vị trí quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Nhìn nhận thực tế phải thừa nhận rằng, mặc dù đã có nhiều tiến bộ, nhưng quyền con người ở Việt Nam vẫn đang còn rất nhiều thách thức. Đại hội Đảng lần thứ XI (tháng 1/2011) đã đánh giá, dân chủ chưa được phát huy đầy đủ, quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một vài lĩnh vực còn bị vi phạm, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước.

Đất nước ta đang trong thời kỳ xây dựng và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà ở đó, mọi con người đều được phát huy giá trị của mình, đóng góp vì sự phát triển của đất nước. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã mở rộng biên độ của “quyền con người”, quyền làm chủ của nhân dân đối với đất nước. Những giá trị dân chủ được Đảng, Nhà nước ta kết thừa và phát huy giá trị của dân tộc, của nhân dân và của thế giới. Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định, đất nước ta phải “do nhân dân làm chủ”, chứ

không giới hạn “do nhân dân lao động làm chủ” như Cương lĩnh của Đảng năm 1991. Bên cạnh đó, đặc trưng về con người, Cương lĩnh năm 1991 xác định: Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Cương lĩnh của Đảng được bổ sung, phát triển năm 2011 xác định rất cụ thể về quyền con người, đó là con người được Đảng, Nhà nước tạo điều kiện để phát triển một cách toàn diện:

Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện. Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước. Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của mọi người dân, thực hiện công bằng xã hội [8].

Chính sách của Đảng, Nhà nước ta bắt nguồn từ khát vọng thiết tha được hưởng các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam vốn đã phải chịu cảnh là người dân của một nước thuộc địa. Bạn bè quốc tế còn nhắc lại tình cảm, sự ủng hộ đối với nhân dân Việt Nam luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh bảo vệ quyền dân tộc tự quyết. Đây là một trong những quyền con người cơ bản nhất, được ghi nhận trong những điều khoản đầu tiên của các điều ước quốc tế quan trọng nhất hiện nay về quyền con người. Tuyên bố được các nước thành viên Liên hợp quốc thông qua tại Hội nghị thế giới về quyền con người tổ chức vào tháng 6/1993 ở Viên (Áo) nêu rõ rằng quyền dân tộc tự



quyết có nghĩa là các dân tộc có quyền tự do lựa chọn thể chế chính trị. Quyền đó cũng có nghĩa là các dân tộc tự do theo đuổi sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá của mình.

Chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước ta cũng được thể hiện rõ trong hợp tác quốc tế về bảo vệ, thúc đẩy quyền con người. Việt Nam hiện là thành viên của hầu hết các điều ước quốc tế quan trọng nhất về quyền con người, trong đó có: Công ước về các quyền dân sự, chính trị (1966); Công ước về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (1966); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về quyền trẻ em; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Ngày 7/11/2013 vừa qua, Việt Nam đã ký Công ước quốc tế về chống tra tấn và đang nỗ lực hoàn tất các quy định về thủ tục để phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật. Việt Nam cũng đã tham gia 18 điều ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về quyền của người lao động. Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực xây dựng, bổ sung pháp luật trong nước, tổ chức và thực hiện điều ước quốc tế đã tham gia, trong đó có nghĩa vụ làm báo cáo quốc gia định kỳ. Các cơ quan công ước đều đánh giá Việt Nam nghiêm túc trong việc chuẩn bị báo cáo quốc gia và kết luận tích cực về tình hình thực hiện công ước ở Việt Nam [30].

Trong 7 năm qua kể từ khi Hội đồng nhân quyền được thành lập, với tư cách là quan sát viên, Việt Nam đã tích cực đóng góp ý kiến trên nhiều vấn đề thuộc chương trình nghị sự và tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định của Hội đồng. Đặc biệt là Việt Nam đã chuẩn bị công phu, trình bày thành công báo cáo trong khuôn khổ Cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ cập (UPR), thực hiện nghiêm túc các khuyến nghị mà ta đã chấp thuận tại phiên trình bày. Việt Nam cũng tăng cường hợp tác với các cơ chế, trong đó có việc từ năm 2010 đã đón 4 Báo cáo viên đặc biệt/Chuyên gia độc lập của Liên hợp quốc về xóa đói giảm nghèo, thiếu số, y tế, tác động của nợ nước

ngoài. Cuối năm 2013, Việt Nam vừa đón Báo cáo viên đặc biệt về quyền văn hóa và sẽ đón thêm một số Báo cáo viên đặc biệt trong một số lĩnh vực khác trong thời gian tới. Tại Đại hội đồng và Hội đồng kinh tế - xã hội, Việt Nam có nhiều đóng góp tích cực và bỏ phiếu thuận tuyệt đại đa số các Nghị quyết của Liên hợp quốc về quyền con người; quan điểm của Việt Nam phù hợp với quan điểm chung, thể hiện trong các văn kiện quốc tế và Liên hợp quốc về quyền con người.

Trong phạm vi khu vực, cùng với các nước ASEAN, Việt Nam đã có những đóng góp tích cực trong việc thành lập Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về nhân quyền, Ủy ban ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của phụ nữ và trẻ em và việc Tuyên bố Nhân quyền ASEAN. Việt Nam cũng tăng cường hợp tác, đối thoại song phương với nhiều nước về nhân quyền để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm đảm bảo tốt hơn các quyền con người tại Việt Nam và các nước liên quan.

### **1.5. Những hạn chế trong tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh**

Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã đóng góp công sức to lớn của mình về việc tiếp thu, truyền bá tư tưởng, nhận thức quyền con người, quyền dân tộc, giúp người dân Việt Nam hiểu rõ hơn về vai trò, vị trí của chính con người trong xã hội, trong đất nước. Những tư tưởng đó như những nguồn sáng trong đêm trường nô lệ, dẫn dắt con người Việt Nam từng bước vượt qua những u mê do chế độ thực dân, phong kiến cố tình ngụy tạo và che dấu giá trị của quyền con người nhằm đảm bảo sự ngu dân để dễ bề cai trị trên đất nước và người dân Việt Nam.

Tuy nhiên, do những hạn chế của lịch sử, và quá trình tiếp thu, nhận thức và điều kiện vật chất, phương tiện truyền thông, những tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vẫn còn những hạn

ché nhất định mà điều này đặt ra những yêu cầu lớn để những người Việt Nam thế hệ sau cần phải tiếp tục phát triển nhằm khắc phục những hạn chế đó, mang giá trị đầy đủ về quyền con người của nhân loại, của thế giới đến với con người, đất nước Việt Nam. Đồng thời, không ngừng tạo điều kiện để phát triển kinh tế, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo mỗi người đều được hưởng quyền độc lập, tự do, hạnh phúc.

### ***1.5.1. Những hạn chế tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu***

Phan Bội Châu dù tiếp nhận tư tưởng dân chủ, tiên tiến của các triết gia, nhà tư tưởng Phương Tây, nhưng vẫn còn những điểm hạn chế nhất định cần phải nhìn nhận thật sự khách quan, đó là đề cao chủ nghĩa yêu nước theo tư tưởng Nho giáo, và chuẩn mực quyền con người phải khế theo tư tưởng Nho giáo với việc trung quân vô điều kiện. Tất nhiên, Phan Bội Châu không chỉ bó hẹp trong chuẩn mực nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, mà nó được mở rộng, đào sâu và được nâng lên bởi các chuẩn mực giá trị mới trên cơ sở tiếp thu những yếu tố tích cực của tư tưởng tư sản phương Tây, của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam. Đối với quan niệm về con người trong xã hội, bên cạnh con người cộng đồng còn là con người cá nhân. Phan Bội Châu chú trọng đề cao quyền của mỗi con người trong xã hội. Nhưng, xã hội đó được xây dựng trên chuẩn mực cũ, chưa có biện pháp cải cách triệt để để xây dựng xã hội mới, con người mới.

Một hạn chế khác là trong phạm vi nhìn nhận bó hẹp nên Phan Bội Châu chưa đủ điều kiện để vươn lên tiếp nhận ánh sáng của quan điểm đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người của tư tưởng mác-xít về bản chất của con người, mà trong "Luận cương về phoiơbắc", C.Mác đã viết: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội". Phan Bội Châu chưa lý giải được bản chất xã hội của con

người, chưa vạch ra được nguyên nhân xã hội là nguyên nhân sâu xa nhất, cơ bản nhất tạo ra nỗi bất hạnh của con người, hay chưa thấy đấu tranh giai cấp là để đi đến giải phóng loài người thoát khỏi áp bức và là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội có giai cấp.

Phan Bội Châu chủ trương giải phóng con người, sau khi giải phóng đất nước phải bảo vệ được quyền con người. Điều này khiến cho mục đích rất lớn, nhưng để có con đường như thế nào để đi đến mục đích đó thì cụ Phan Bội Châu lại chưa tìm ra. Hoặc tìm ra có thể mang tính thỏa hiệp với chế độ cầm quyền vốn hà khắc, gian ác, không chịu thỏa hiệp. Hoặc, mưu cầu viện trợ về mọi mặt của nước ngoài mà chưa biết vận dụng sức mạnh của nhân dân với vai trò làm chủ cách mạng, là người quyết định vận mệnh của chính mình. Quan điểm người cai trị phải tôn trọng người bị trị “dân vi quý”, dường như chỉ để mà nói, chứ không thể có ý nghĩa trên thực tế.

Những hạn chế trên đây không làm mất đi nét riêng biệt đặc sắc trong tư tưởng của Phan Bội Châu về bản tính của con người, quyền của con người trong xã hội, đất nước. Xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, trên cơ sở tiếp thu những yếu tố tích cực trong các trào lưu triết học phương Tây, Phan Bội Châu cho rằng, bản tính con người là "thiên lương". Hàm chứa trong khái niệm "thiên lương" là những dấu hiệu cơ bản mà ở đó, ngoài dấu hiệu trước đây Nho giáo đã từng nêu lên, còn có những dấu hiệu mới như tự do, bình đẳng... Tất cả những dấu hiệu đó đều thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, đều hướng tới một mục đích chung là khơi dậy và phát huy nguồn sức mạnh của con người Việt Nam vào sự nghiệp cứu nước giải phóng đất nước, giải phóng đồng bào, giải phóng cho chính mỗi con người, khẳng định quyền con người trong xã hội. Dù có những điểm hạn chế như đã nêu ở trên, nhưng tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu đã đóng góp rất to lớn vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Cùng với những tác phẩm của mình, Phan Bội Châu đã “nâng tầm” cách nhìn của mỗi con người về đất nước, về con người trong xã hội vốn đang chìm đắm trong đêm trường nô lệ thực dân Pháp.

### ***1.5.2. Những hạn chế trong tư tưởng quyền con người của Phan Châu Trinh***

Mặc dù có những nội dung mới trong việc đấu tranh giải phóng con người, nhưng trong chừng mực, hoàn cảnh, điều kiện nhất định vẫn còn thể hiện tư tưởng dao động, mơ hồ về chính trị, thậm chí có lúc đi đến thỏa hiệp với thực dân và thậm chí Phan Châu Trinh còn có tư tưởng “ỷ Pháp” để thực hiện dân chủ cho người dân Việt Nam. Nguyên nhân của những sai lầm này chính là chưa có một lý luận khoa học soi đường, nên chưa nhận thức đầy đủ bản chất của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Điều này dẫn đến những quan niệm chưa thấu đáo để giải phóng con người, bảo vệ được quyền con người trong xã hội.

Phan Châu Trinh đã cống hiến trọn đời mình cho việc truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam và cuối đời đã gửi gắm hy vọng vào một thế hệ trẻ nối tiếp sẽ đưa tư tưởng dân chủ xã hội chủ nghĩa đến cho dân tộc Việt Nam. Nhưng ông là một nhà nho nên ngay trong lập luận, suy nghĩ của ông vẫn mang nhiều tính nho giáo. Tất nhiên, nho giáo trong tư tưởng của Phan Châu Trinh đã dưới lăng kính, góc nhìn tiên tiến của người Việt. Phan Châu Trinh cho rằng, chỗ dựa lớn nhất của ông là các nguyên lý công bằng, công lý, tự do, bình đẳng, dân chủ của phương Tây, đó là các nguyên lý thiêng liêng mà phương Tây phải thực hiện cho các nước thuộc địa.

Phan Châu Trinh chủ trương dựa vào sự thức tỉnh nhân dân để thực hiện những chương trình đổi mới đất nước theo hướng dân chủ tư sản, chứ không ỷ lại ở một thế lực bên ngoài nào và chủ trương “bất vọng ngoại”, nhưng lại chưa nhận thức được toàn diện với điều kiện nước ta lúc đó phải

tranh thủ mọi sự đồng tình giúp đỡ bên ngoài để hỗ trợ cho phong trào cách mạng trong nước tiến lên. Không xuất phát từ cuộc đấu tranh chính trị - xã hội đòi tự do, bình đẳng và công bằng, Phan Châu Trinh không quan tâm nhiều về bản nguyên của con người và xã hội, không nhìn người dân là những con người được tập hợp như thế nào để thành xã hội, để có nhà nước và pháp luật, những thực thể thiết yếu không thể bỏ qua khi bàn về nhân quyền và dân quyền. Làm chủ thể cho cuộc vận động dân chủ của các nhà Nho duy tân là còn người "quốc dân - đồng bào" chứ không phải là con người "cá nhân - công dân" như trong cách mạng dân chủ ở phương Tây. Con người quốc dân - đồng bào như thế ra đời không những là sản phẩm của cuộc đấu tranh dân tộc nhằm giành độc lập mà còn là sản phẩm của tư tưởng Nho giáo, nếp nghĩ theo nho giáo [17, tr.45].

Mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng rõ ràng tư tưởng và hoạt động của Phan Châu Trinh đã góp phần quan trọng tạo nên bước chuyển trong tư duy của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng dân chủ, bảo vệ quyền con người của Phan Châu Trinh là ngọn đèn soi sáng, là sự thức tỉnh cho dân tộc ta bước ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế hàng ngàn năm. Tư tưởng về quyền con người, về cách mạng, giải phóng dân tộc, đất nước của Phan Châu Trinh có một vị trí xứng đáng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, đặc biệt trong những năm đầu của thế kỷ XX [39].

## Kết luận Chương 1

Dù cách ngày nay hơn thế kỷ, nhưng giá trị tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng được các thế hệ người Việt Nam tiếp thu và phát huy. Hiến pháp 2013, cùng với những quy định mới về quyền con người được coi là sự thể hiện rõ nét nhất về nhận thức và giá trị thực tế quyền con người với mọi người dân Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh rất rõ rằng, những tác phẩm to lớn như "Hải ngoại huyết thư" của Phan Bội Châu, "Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa" của Phan Châu Trinh với những tư tưởng tiên tiến về quyền con người, về giá trị của độc lập, tự do, quyền tự quyết dân tộc, dân chủ nhân dân đã mở đường, định hướng tư tưởng, định hướng cách mạng cho mỗi người con đất Việt, đã thúc giục người dân Việt Nam cùng nhất tề đứng lên đánh đổ thực dân phong kiến, giành độc lập cho dân tộc. Giá trị quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh thể hiện: Gắn quyền con người với giải phóng dân tộc, tạo động lực to lớn cho toàn thể nhân dân Việt Nam nhất tề đứng lên đánh đuổi thực dân, phong kiến.

Các phong trào cách mạng như Xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931; phong trào đấu tranh đòi dân chủ 1936 - 1939, mà đỉnh cao là cuộc nổi dậy của nhân dân cả nước giành chính quyền năm 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chứng minh ý nghĩa thiết thực, to lớn mà tư tưởng của các sỹ phu yêu nước, đặc biệt là đường lối cách mạng vô sản giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thật sự là lựa chọn đúng đắn và sáng suốt nhất cho các mạng Việt Nam, tự giải phóng chính mình, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước.

Cách mạng tháng 8 năm 1945 được coi là sự kiện kết tinh, hội tụ về nhân quyền của Việt Nam nói riêng và các nước đang chịu áp bức, nô lệ lúc bấy giờ nói chung: Giải phóng hàng chục triệu người dân khỏi xiềng xích của áp bức, nô lệ của thực dân, phong kiến, mở ra trang mới về độc lập dân tộc, gắn liền với nhà nước dân chủ, nhân dân, cũng là Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Kế thừa, phát huy thành quả của cách mạng trong đấu tranh giành, giữ chính quyền, giải phóng áp bức, giải phóng con người hơn 80 năm qua, Đảng ta và Nhà nước ta đang tiếp tục phát huy tư tưởng nhân quyền của người trong quá trình đổi mới, khẳng định giá trị của quyền con người trong cuộc cách mạng và trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Văn kiện Đại hội XI của Đảng cộng sản Việt Nam nhấn mạnh rằng: "Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân". Thực hiện chủ trương, đường lối này của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam không ngừng phấn đấu, nỗ lực vì sự phát triển của con người, vì con người. Những chương trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, chương trình xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ phát triển các đồng bào dân tộc ít người, hay như hiện nay là chương trình rộng xây dựng nông thôn mới triển khai đồng loạt trong 63 tỉnh thành của cả nước không nằm ngoài mục đích vì cuộc sống tốt đẹp hơn của con người.

Thể hiện cụ thể trong chiến lược phát triển quyền con người, Hiến pháp 2013 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua tại kỳ họp thứ 6, ngày 28/11/2013, được coi là Hiến pháp thể hiện rõ nét nhất trong việc tôn trọng quyền con người. Ghi nhận những nỗ lực không ngừng nghỉ này của Việt Nam trên lĩnh vực thúc đẩy phát triển quyền con người, các thành viên của Liên Hợp quốc đã bầu Việt Nam là thành viên của Hội đồng nhân quyền Liên Hợp Quốc. Tại phiên bỏ phiếu ngày 12/11/2013, các thành viên của LHQ đã bầu Việt Nam là một trong 14 thành viên mới của Hội đồng nhân quyền LHQ. Việt Nam đã trúng cử với số phiếu cao nhất so với 13 nước còn lại, đạt 184/192 phiếu thuận. Điều này đã ghi nhận nỗ lực của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam và cũng là thành quả của nhiều thập kỷ đấu tranh bảo vệ quyền con người của Việt Nam.



## *Chương 2*

# **NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945**

Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là sự kế thừa và phát triển có hệ thống tư tưởng quyền con người trong lịch sử của dân tộc Việt Nam và sự tiếp thu có chọn lọc tư tưởng quyền con người tiên tiến của nhân loại. Đó là những giá trị lớn về quyền con người của nhân dân Pháp dành được trong cuộc cách mạng Pháp 1789 khi lực lượng dân chủ và cộng hòa đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế; Đó là những giá trị về độc lập dân tộc trong quá trình đấu tranh giải phóng nước Mỹ 1776. Tuy nhiên, cùng với những sự hạn chế như đã đề cập trong **Chương 1**, tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh chỉ dừng lại những giá trị, chưa hình thành được con đường cách mạng, chính sách mang tính tổng thể làm định hướng cho hoạt động cách mạng giải phóng con người cũng như toàn thể dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột. Các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở nước ta chỉ dừng ở phong trào bởi vì thiếu con đường, lý luận cách mạng sắc bén. Điều này đã được Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh hiểu và khắc phục, tiếp thu, truyền bá tư tưởng giải phóng con người, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, làm định hướng cách mạng cho dân tộc Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc cho nước nhà. Đó là đỉnh cao tư tưởng về quyền con người của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

### **2.1. Thân thế, sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh**

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sinh ngày 19/5/1890, tại làng Kim

Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, lớn lên ở một địa phương có truyền thống yêu nước anh dũng chống giặc ngoại xâm, từ thuở nhỏ, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã "thấm" mem say yêu nước từ quê hương và các nhà Nho yêu nước, đặc biệt là chính người cha của mình - cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc. Không chỉ có vậy, trong những buổi hầu trà dưới ánh trăng thanh của miền quê xứ Nghệ, cùng với những người bạn nhà nho yêu nước của cha mình, thông qua những câu chuyện lịch sử, cùng với chí khí của một thiếu niên ham học hỏi, có ý chí, Nguyễn Sinh Cung (tên gọi của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thời niên thiếu) đã nuôi dưỡng lòng yêu nước, thương dân, thương giống nòi, dân tộc và biết đau nỗi đau của dân tộc Việt Nam đang làm than dưới ách thống trị của thực dân Pháp. *"Khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái... Thế là tôi rất muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy... Tôi tìm cách đi ra nước ngoài"* [16, tr.125].

Sống trong hoàn cảnh đất nước chìm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, thời niên thiếu và thanh niên của Người đã chứng kiến nỗi khổ cực của đồng bào và những phong trào đấu tranh chống thực dân. Người sớm có chí đuổi thực dân, giành độc lập cho đất nước đem lại tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Với tình cảm yêu nước thương dân vô hạn, năm 1911 Người đã rời Tổ quốc đi tìm con đường giải phóng dân tộc. Từ năm 1912 đến năm 1917, Nguyễn Ái Quốc với tên gọi lúc đó là anh Ba, đến nhiều nước ở châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, sống hòa mình với nhân dân lao động, Người thông cảm sâu sắc cuộc sống khổ cực của nhân dân lao động và các dân tộc thuộc địa cũng như nguyện vọng thiêng liêng của họ. Người sớm nhận thức được cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam là một bộ phận trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Người đã hoạt động tích

cực nhằm đoàn kết nhân dân các dân tộc giành tự do, độc lập, dành những quyền cơ bản của con người của dân tộc đang bị áp bức, bóc lột.

Cuối năm 1917, Người từ Anh trở lại Pháp tiếp tục hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Năm 1919, Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Versailles bản yêu sách đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam và cũng là quyền tự do cho nhân dân các nước thuộc địa. Dưới ánh sáng và ảnh hưởng rất lớn của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp và Người bỏ phiếu tán thành Đảng gia nhập Quốc tế III, Quốc tế Cộng sản và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ một người yêu nước trở thành người cộng sản, Người khẳng định con đường cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới là con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”* [26, tr.226].

Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Tháng 4 năm 1922, Hội ra báo “Người cùng khổ” (Le Paria) nhằm đoàn kết, tổ chức và hướng dẫn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Nhiều bài báo của Người đã được đưa vào tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, xuất bản năm 1925.

Ngày 3/2/1930, tại Hương Cảng, Hồng Kông, Trung Quốc, Người đã thống nhất các tổ chức Cộng sản, thành lập Đảng cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Ngay sau khi thành lập, Đảng đã lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 - 1931, phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, tạo làn sóng cách mạng lớn chưa từng có, dành chính

quyền về tay nhân dân tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh được xem là bước tập dượt cách mạng đầu tiên, quan trọng nhất, chuẩn bị cho cuộc cách mạng Tháng 8 năm 1945 sau này. Không lâu sau đó, phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ 1936 - 1939, được coi là đợt tập dượt cách mạng lần thứ hai của Đảng chuẩn bị các điều kiện cần và đủ cho Cách mạng giải phóng dân tộc.

Sau khi về nước, Người đã lãnh đạo toàn dân đứng lên tước vũ khí Nhật, đánh đuổi thực dân Pháp, giành chính quyền về tay nhân dân trong cuộc cách mạng tháng 8/1945. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, thay mặt toàn thể nhân dân Việt Nam, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Và sau đó, người được toàn thể nhân dân tin tưởng, tín nhiệm bầu là người đứng đầu Chính phủ cách mạng. Cả cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đấu tranh không ngừng nghỉ, hy sinh hết mình cho quyền con người của người dân Việt Nam, đấu tranh đến hơi thở cuối cùng vì độc lập dân tộc, tự do, thống nhất của đất nước.

## **2.2. Tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước Cách mạng Tháng 8/1945**

### ***2.2.1. Quyền con người là quyền tự nhiên và phải gắn với độc lập của dân tộc***

Xuất phát từ thực tiễn xã hội Việt Nam đang bị áp bức, bóc lột thời bấy giờ, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã ra đi tìm con đường giải phóng cho chính mình, dân tộc, đất nước mình. Người đã kế thừa những nội dung hợp lý của tư tưởng nhân quyền trước đó, để đưa ra những luận điểm mới mẻ sâu sắc và toàn diện về quyền con người, phù hợp đặc điểm của thời đại mới và tình hình cụ thể ở Việt Nam. Từ vị trí của dân tộc đang bị mất nước, bị bóc lột nặng nề dưới chế độ đế quốc thực dân và bọn địa chủ phong kiến tay sai, mọi

quyền sống của con người cũng như quyền dân tộc đều bị tước bỏ một cách thô bạo. Quyền con người đã không được quyền thực dân, phong kiến thực thi, đảm bảo, mà bị tước bỏ và chà đạp. Vì vậy, Người quan niệm rõ ràng rằng, để giải quyết vấn đề quyền con người ở Việt Nam chỉ có thể được giải quyết thông qua cuộc cách mạng để giải quyết hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam. Đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân ta, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến tay sai, chỗ dựa cho bộ máy thống trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Hai mâu thuẫn đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp xâm lược là mâu thuẫn chủ yếu, cơ bản cần phải giải quyết. Vì vậy, nhiệm vụ chống thực dân Pháp xâm lược và nhiệm vụ chống địa chủ phong kiến tay sai không tách rời nhau. Đấu tranh giành độc lập dân tộc phải gắn chặt với đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đó là yêu cầu của cách mạng Việt Nam đặt ra lúc bấy giờ cần được giải quyết. Có giải quyết được mâu thuẫn này thì mới tính đến những giá trị của quyền con người. Tư tưởng nhân quyền của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng có sáng tạo tư tưởng giải phóng con người và xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây cũng là đặc điểm nổi bật nhất của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong tư tưởng về quyền con người, khác với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sỹ phu yêu nước trước đó và lúc bấy giờ.

Để có được sự khác biệt mang tính quyết định đó về tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một quá trình tiếp thu, chắt lọc, và kế thừa các truyền thống tốt đẹp của gia đình, quê hương, đất nước. Thực tế, ngay từ nhỏ Người đã có hoài bão lớn gắn trách nhiệm của mình với vận mệnh của đất nước. Người đã thâm nhập trực tiếp vào các nước phương Tây để kiểm nghiệm giá trị “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”, tìm

hiều ngọn nguồn, bản chất của chế độ thực dân đế quốc và cũng là để học hỏi tinh hoa thế giới để về giúp đồng bào. Đó là một đột phá mới trong tư duy chính trị lúc bấy giờ của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Nhưng, đến đâu Người cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Một trong những cảnh ấy Người đã trông thấy ở Đaca (Dacar):

Đến Đaca, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi [35, tr.23].

Với ý chí kiên cường, trải qua biết bao thử thách của thực tiễn cuộc sống, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã củng cố vững chắc lý tưởng độc lập, tự do của mình. Trong những năm tìm đường cứu nước, Người đã dành nhiều thời gian để khảo sát thực tế, tìm hiểu “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái” được thực thi các nước “mẫu quốc” tại các thuộc địa như thế nào. Người đã đi vào sào huyệt của chủ nghĩa thực dân để xem cái thực chất bên trong của những cụm từ hoa mỹ ấy là ẩn chứa những vấn đề gì, và vì sao họ có được những nền văn minh với sứ mệnh khai hóa theo cách nói của người Pháp khi xâm chiếm Việt Nam và Đông Dương.

Người đã dày công nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản và các nhà tư tưởng tiên bộ khác đồng thời đã tìm thấy ở Tuyên ngôn Nhân quyền, Dân quyền của cách mạng Pháp (1789) và Tuyên ngôn độc lập của Mỹ (1776) những quyền bất khả xâm phạm của con người. Đây chính là cơ sở quan trọng để Nguyễn Ái Quốc khẳng định chân lý, dân tộc Việt Nam cũng phải được hưởng những quyền bất khả xâm phạm đó đến tư tưởng về quyền con người của Hồ Chí Minh sau này.

Thừa hưởng đầu óc kiệt xuất từ người cha, Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cùng với quá trình tôi luyện gian khổ trong suốt quá trình bôn ba khắp năm châu, bốn bể, tạo nên một bản lĩnh và suy nghĩ rất thấu đáo của Người về quyền con người. Tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không hề xa lạ và không đoạn tuyệt với những thành tựu văn minh tiến bộ của nhân loại, mà có sự vận dụng, phát triển sáng tạo của các tư tưởng đó. Người đã đưa ra những luận điểm mới mẻ, sâu sắc và toàn diện về quyền con người. Quyền con người hoàn toàn tự nhiên mà có, và quyền đó phải gắn với giải phóng dân tộc gắn với cách mạng của đất nước. Chính là giải phóng con người, đảm bảo quyền con người. Đây là đặc điểm quan trọng và nét đặc sắc trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh về quyền con người.

Thực tế, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đầu tiên đề cập tới khái niệm nhân quyền và dùng khái niệm nhân quyền trong các lập luận đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, bảo vệ và bênh vực nhân quyền của các dân tộc thuộc địa. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Người đã sớm giành lại ngọn cờ dân chủ nhân quyền từ trong tay chủ nghĩa thực dân, xem những quyền đó là lý tưởng, là bản chất của nhà nước Việt Nam mới.

### ***2.2.2. Quyền con người gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp và với chủ nghĩa Mác - Lênin***

Tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh bắt nguồn từ những truyền thống của dân tộc và được nâng cao khi tiếp nhận Chủ nghĩa Mác-Lênin. Bên cạnh đó Nguyễn Ái Quốc đã từng nghiên cứu và đánh giá cao thành tựu quyền con người của cách mạng tư sản Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp. Hồ Chí Minh đã khẳng định một chân lý lớn của thời đại mới trong thế kỷ XX đó là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Đây là một khái quát mới mà Hồ Chí Minh, chính Người thừa nhận, suy rộng ra từ

câu mở đầu bất hủ của Tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ năm 1776: Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc.

Là một nhà Mác xít - Lêninnít, Nguyễn Ái Quốc đã thấu hiểu và vận dụng sáng tạo những tư tưởng nhân quyền mang tính khoa học và cách mạng nhân loại. Học thuyết Mác - Lênin cho rằng, các quyền con người chỉ có được bằng con đường đấu tranh giải phóng dân tộc và cải tạo xã hội. Hầu hết các phạm trù “dân chủ”, “tự do”, “bình đẳng” dưới chế độ Tư bản chủ nghĩa đều bị hạn chế bởi tình trạng bất bình đẳng về kinh tế. C.Mác cho rằng: Bình đẳng là một sản phẩm lịch sử, không có quyền bình đẳng trừu tượng, muốn có bình đẳng thực sự, thì việc xóa bỏ đặc quyền giai cấp là chưa đủ mà phải xóa bỏ bản thân giai cấp - nguồn gốc sinh ra mọi sự bất bình đẳng. Và chỉ có một xã hội, trong đó sự phát triển tự do của mỗi con người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người. Nói cách khác là trong xã hội cộng sản, thì các quyền con người mới thật sự được đảm bảo, con người mới được giải phóng hoàn toàn. Điều đó không có nghĩa phủ nhận những giá trị nhân quyền hiện đại mà là một sự nhắc nhở những vấn đề có tính nguyên tắc trong việc đảm bảo và thúc đẩy nhân quyền. Quyền con người không thể thoát ly tính lịch sử và tính giai cấp.

Để có được sự thừa nhận quyền con người, hơn ai hết, Người thấu hiểu được việc cần phải nói lên tiếng nói của mình, dân tộc mình với Nhà nước bảo hộ, thực dân phong kiến và sâu xa hơn là mang tiếng nói của mình đến với toàn thể những người tiến bộ trên toàn thế giới. Thông qua các hoạt động mang tính bề nổi như tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III, mở các tờ báo như Người cùng khổ (Le Parie), nói lên tiếng nói của dân tộc bị áp bức trước sự cai trị hà khắc của thực dân Pháp như



"Bản án chế độ thực dân Pháp". Đặc biệt, năm 1919, thay mặt những người yêu nước Việt Nam, Người gửi "Bản yêu sách của dân tộc Việt Nam gửi đến Hội nghị Versailles, Pháp. "Bản yêu sách" gồm 8 điểm rất ôn hòa, yêu cầu Chính phủ Pháp trao trả một số quyền tự do, dân chủ cơ bản tối thiểu và cơ bản cho nhân dân Việt Nam, cũng như các dân tộc ở Đông Dương. Yêu sách 8 điểm ở Hội nghị Versailles năm 1919 có nội dung chính như sau:

1. Ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị.
2. Cải cách nền công lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xoá bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam.
3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận.
4. Tự do lập hội và hội họp.
5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do du lịch ở nước ngoài.
6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ.
7. Thay thế chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật.
8. Đoàn đại biểu của người bản xứ do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ [11, tr.81].

Bản yêu sách này có tiếng vang rất lớn trên trường quốc tế và được đánh giá là "*Con người thanh niên mãnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương*" [11, tr.81]. Nhưng tất cả những yêu sách ôn hòa đó của Nguyễn Ái Quốc đều không được Chính phủ Pháp, cũng như các nước tham gia Hội nghị Versailles quan tâm. Thực tế đó, giúp Người ngày càng nhận rõ bản chất của

chủ nghĩa Đê quốc và rút ra kết luận quan trọng rằng: muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình và phải thông qua cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ. Đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là tiền đề, là điều kiện giành lấy và thực hiện quyền của con người.

Ngay từ “Chánh cương vắn tắt của Đảng” và “Sách lược vắn tắt của Đảng” do Người soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đã vạch ra mục tiêu đấu tranh của dân tộc, giải phóng con người, giải phóng xã hội, giải phóng phụ nữ. Vừa ra đời, Đảng Cộng sản Đông Dương đã giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Màu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong”. Chính cương, sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, là văn kiện lịch sử xác lập đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, đánh dấu sự hình thành tư tưởng dân chủ nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cương lĩnh viết: *"Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập. Dựng ra chính phủ công nông binh"* [24, tr.1].

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh quan niệm, quyền con người trước hết phải là quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết của dân tộc. Trong tư tưởng về nhân quyền ở nhiều nước phương Tây nêu ra, chủ yếu và cốt lõi của nó là đòi quyền tự do cho mỗi cá nhân. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã theo đuổi phương châm cốt lõi trong tư tưởng của mình là đấu tranh đòi nhân quyền cho cả dân tộc, quyền tự quyết, quyền bình đẳng dân tộc. Không dừng lại ở đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đòi quyền cho tất cả các dân tộc đang bị

áp bức bóc lột trên thế giới. Đây là sự phát triển, khái quát cao đem lại những nội dung mới về nhân quyền - quyền con người trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thời đại mới.

Nghiên cứu cách mạng Tháng mười Nga và sự thực Hiến pháp Xô Viết (1918), Người nói:

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do và bình đẳng thật, không phải là tự do, bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mạng Nga đuổi được vua, tư bản địa chủ rồi lại ra sức cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mạng độc lập lật đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trên thế giới. Cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo con đường của Cách mạng Nga tháng 10 năm 1917 [26, tr. 270].

### ***2.2.3. Quyền con người là sự kế thừa tư tưởng quyền con người của nhân loại và tư tưởng của dân tộc Việt Nam***

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không chỉ kế thừa những giá trị phổ biến về nhân quyền trong lịch sử mà còn nâng những giá trị đó lên một tầm cao mới. Ở đây, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh đòi quyền cho con người, mà còn nhấn mạnh tới quyền làm người. Bởi vì, quyền con người không chỉ cần ăn, mặc, ở, đi lại để tồn tại mà còn vươn lên trên cái tồn tại để hoàn thiện và phát triển bản thân. Đó chính là quyền học tập, sáng tạo, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền tự do, quyền dân sự, quyền về chính trị, kinh tế - văn hóa xã hội, cũng như quyền của các nhóm người đặc biệt trong xã hội như: quyền các dân tộc thiểu số, quyền phụ nữ, quyền của trẻ em, quyền của nhóm người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn cần được xã hội quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ để họ hòa nhập với cộng đồng xã hội... Như vậy, có thể thấy

nội dung quyền con người trong tư tưởng của Hồ Chí Minh được phát triển rất phong phú cả về bề rộng và chiều sâu, tạo ra một hệ thống về quyền con người theo quan điểm khoa học và cách mạng. *“Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải có dân chúng, công nông làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”* [29, tr.35].

Quyền con người gắn với việc xây dựng một đất nước thực sự do nhân dân làm chủ. Nguyễn Ái Quốc viết: *“Dân chủ là để cho dân mở mồm ra nói. Dân chủ là đừng bịt miệng dân”* [29, tr.17]. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn chủ trương lời nói phải đi đôi với việc làm. Điều này cũng trở thành nguyên tắc trong hành động của người, trong đó có vấn đề về quyền con người. Và chính Người đã nêu một tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện triệt để nhất những tư tưởng đó còn hơn rất nhiều lần so với những điều Người nói và viết. Sự thống nhất giữa tư tưởng và hành vi, giữa lý luận và thực tiễn, giữa động cơ và hiệu quả đã trở thành đặc trưng nổi bật của Hồ Chí Minh. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được dư luận trong và ngoài nước đánh giá là tấm gương sáng, một pho sách trọn vẹn về nhân quyền và cuộc đấu tranh cho quyền con người. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từng nói: *“Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao nước ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”* [25, tr.12]. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh khẳng định: Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo là vì mục đích đó. Điều đó cho thấy, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề con người và giải phóng con người, coi đó là mục đích cao nhất cần đạt tới trong mọi hoạt động cách mạng của mình.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề nhân

quyền với một nội dung rất rộng lớn, toàn diện và sâu sắc. Tư tưởng nhân quyền của Người đã vượt qua tư tưởng nhân quyền của một dân tộc, một quốc gia, mà nó mang tầm quốc tế, mang tầm thời đại. Độc lập, tự do, hạnh phúc là ước vọng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cho mỗi người dân Việt Nam. Đó cũng là ước vọng dân quyền, nhân quyền sâu sắc nhất trong suốt cuộc đời cách mạng của Người.

Nhìn chung, tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có bước nhảy vượt bậc, từ quyền con người, Người đã khái quát hóa thành quyền của dân tộc, và từ quyền của dân tộc, thành quyền của các dân tộc trên thế giới. Người cũng đã đi từ khái niệm quyền con người rất trừu tượng đến rất cụ thể của quyền, con người phải được gắn với độc lập, tự do, hạnh phúc - những quyền sơ đẳng và cốt lõi nhất của mỗi con người. Từ quyền của một dân tộc độc lập được Người nâng lên thành quyền độc lập của các dân tộc. Người đã dựa trên cơ sở về quyền “tự nhiên” để khẳng định quyền đấu tranh chống áp bức giành độc lập dân tộc, tự do của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Đây là một cống hiến vô giá của dân tộc Việt Nam trong việc phát triển tư tưởng nhân quyền - giá trị văn minh của nhân loại, khẳng định một chân lý các quyền cơ bản của con người, gắn chặt với quyền được sống trong độc lập, hòa bình. Đây là giá trị đặc sắc nhất trong tư tưởng về quyền con người của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh [1, tr.68].

#### ***2.2.4. Quyền con người phải được Nhà nước thừa nhận và có biện pháp đảm bảo thực hiện***

Hồ Chí Minh viết: “*Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ*” [25, tr.515]. Trong nhà nước dân chủ thì dân là chủ và dân làm chủ, nhân dân không chỉ là công dân, mà còn trở thành chủ nhân thực sự của đất nước, chủ thể xã hội. Trong xã hội, địa vị cao nhất và quý nhất là nhân

dân. Quan niệm đó của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vượt lên trên tất cả các nhà tư tưởng tiền bối và nâng người dân từ vị trí thần dân không chỉ lên địa vị công dân, mà còn lên địa vị chủ nhân của đất nước, của xã hội.

Với tư cách chủ nhân, nhân dân lao động cần phải tự giác phát huy tính chủ động sáng tạo và những khả năng sẵn có của mình để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đang đặt ra. Còn cán bộ của Đảng và Nhà nước là những người giúp đỡ, hướng dẫn, tạo điều kiện để nhân dân có thể biến những khả năng của mình thành hiện thực. “Làm chủ” ở đây vừa thể hiện quyền của chủ thể xã hội, vừa thể hiện bổn phận và trách nhiệm của chủ thể ấy. Hồ Chí Minh nói: *“Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân...”* [27, tr.452].

Nhân dân lao động là chủ thể của xã hội và có quyền làm chủ. Trong chế độ dân chủ mới, quyền lực trực tiếp và quyền lực cao nhất thuộc về nhân dân. Quyền lực đó nảy sinh trên cơ sở của sự liên hợp tự nguyện giữa họ và nằm trong sức mạnh đoàn kết của họ, chứ không do ai ban phát cho cả. Theo đó, quyền làm chủ luôn thể hiện tính chủ động của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề có liên quan đến đời sống và vận mệnh của mình. Quyền cần phải đi đôi với nghĩa vụ, trách nhiệm. Đã có quyền làm chủ thì phải làm tròn nghĩa vụ của người chủ, như nghĩa vụ xây dựng nhà nước, bảo vệ Tổ quốc, tuân theo pháp luật... Ngoài ra, mỗi giai cấp, tầng lớp tùy theo vị trí của mình mà có quyền và nghĩa vụ do vị trí đó đòi hỏi.

Trong quan niệm của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh phải sớm xây dựng một nhà nước thật sự mà mọi công việc điều hành phải dựa trên quy định của pháp luật, có như vậy mới đảm bảo được quyền của con người. Mọi cá nhân, công dân, cán bộ của Nhà nước phải nghiêm chỉnh thực thi pháp luật. Người viết *“phải nhận thức cho tốt và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Sự bình đẳng trong xã hội ở nơi pháp luật”* [26, tr.229]. Pháp luật là quyền tự do

lựa chọn hành vi, nhưng ranh giới của nó lại là lợi ích của người khác, là khả năng hành động hợp lý, hợp pháp của người khác.

Ý tưởng về việc sử dụng quyền tự do cá nhân mà không xâm phạm đến quyền tự do của người khác là sự thể hiện lý tưởng về một xã hội thực sự dân chủ và nhân đạo. Điều đó tương đồng với luận điểm của C. Mác: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”. Quan điểm pháp luật được Hồ Chí Minh trình bày trong một chỉnh thể thống nhất với các quyền con người, như quyền dân chủ, tự do, công bằng, bình đẳng và cả với các vấn đề đạo đức, văn hóa, kinh tế, trong đó chứa đựng những triết lý sâu sắc về bản chất, vai trò và mối quan hệ giữa pháp luật với các quy tắc xã hội khác. Theo Người, chúng ta không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên. Hồ Chí Minh viết: *“Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do của mình nhưng phải tôn trọng tự do của người khác, người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức mà phạm đến quyền tự do của người khác là phạm pháp”* [22, tr.138].

Dân chủ không chỉ dừng lại ở khát vọng, lý luận, cảm nhận, mà cần phải thực hành dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chẳng hạn như, trong lĩnh vực chính trị thì nhân dân lao động làm chủ thông qua việc thực hiện các quyền bầu cử, ứng cử và quyền bãi miễn những đại biểu do mình bầu lên không làm tròn trách nhiệm và các quyền tự do, dân chủ khác. Trong lĩnh vực kinh tế, nhân dân lao động làm chủ các tư liệu sản xuất chủ yếu, làm chủ việc quản lý, tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm. Trong lĩnh vực văn hoá - tư tưởng. Người chỉ rõ:

Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi, cũng là một

nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra quyền tự do phục tùng chân lý [28, tr.216].

Để tiến tới một nhà nước pháp quyền mạnh, có hiệu lực, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã thấy rõ phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng nhằm hình thành một đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ văn hoá, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là phải có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Một đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhà nước như thế sẽ hạn chế đến mức thấp nhất sự vi phạm nhân quyền (quyền con người, quyền công dân) từ phía các cơ quan nhà nước thông qua các quan chức của nhà nước.

Như vậy, có thể nói, xây dựng Nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, thực hiện quyền lực của nhân dân và luôn đảm bảo các quyền con người của nhân dân lao động. Nghĩa là, chính quyền của Nhà nước ấy cần phải hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ cả đức và tài... đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng mới. Đây thực sự là vấn đề chiến lược, vừa cấp thiết, vừa lâu dài của đất nước Việt Nam.

### **2.3. Giá trị tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước cách mạng tháng 8/1945**

#### ***2.3.1. Đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc***

Phải khẳng định rằng, ngay từ những năm đầu thế XX, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đầu tiên đề cập tới khái niệm nhân quyền và dùng khái niệm nhân quyền trong các lập luận đấu tranh chống chủ nghĩa thực



dân, bảo vệ và bênh vực nhân quyền của các dân tộc thuộc địa. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Người đã sớm giành lại ngọn cờ dân chủ nhân quyền từ trong tay chủ nghĩa thực dân, xem những quyền đó là lý tưởng, là bản chất của nhà nước ta. Chính điều này đã quy tụ và tập hợp cũng là lời hiệu triệu toàn dân đứng lên cầm vũ khí đấu tranh giành độc lập cho đất nước.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng quyền con người chỉ có thể có được bằng con đường đấu tranh cách mạng chống áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Chỉ có như vậy thì các quyền cá nhân và quyền dân tộc mới được bảo đảm bền vững. Như trên đã phân tích, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh về quyền con người bắt nguồn sâu xa từ lịch sử dân tộc, kế thừa có chọn lọc những tư tưởng nhân quyền tiến bộ của các nước phương Đông cũng như các nước phương Tây. Đặc biệt là vận dụng có sáng tạo tư tưởng giải phóng con người và xã hội của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Thông qua ngòi bút sắc sảo với những tác phẩm có ý nghĩa sâu rộng như "Đường cách mệnh", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Luận cương văn tắt", "Sách lược văn tắt", các bài báo trên báo Nhân đạo... đã vạch đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tuyên ngôn độc lập mà Người soạn thảo và tuyên bố trước quốc dân, đồng bào, trước toàn thể dân tộc trên thế giới ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình lịch sử, khai sinh ra nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á đã đánh dấu một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trên phương diện lịch sử tư tưởng nhân loại, bản Tuyên ngôn độc lập đã kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới những tư tưởng nhân quyền của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng nhân quyền của cuộc cách mạng dân chủ tư sản của Mỹ và cách mạng dân chủ tư sản Pháp đồng thời là sự vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa

Mác-Lênin, nhất là tư tưởng của Lênin về quyền tự quyết dân tộc. Việc tiếp thu những điểm văn minh, tiến bộ của các nước trên thế giới chứng tỏ rằng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã không xa lạ và không đoạn tuyệt với những thành tựu tư duy văn minh tiến bộ của nhân loại, mà còn có sự phát triển sáng tạo của các tư duy đó. Dựa trên cơ sở pháp lý về quyền “tự nhiên” đến chỗ khẳng định quyền đấu tranh “chống áp bức” của các dân tộc thuộc địa. Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có đoạn “dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”. Đó là giá trị đích thực nhất của tư tưởng về quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước.

### ***2.3.2. Đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay***

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn tâm niệm, Nhà nước được độc lập mà dân không được hưởng tự do, dân vẫn cứ chết đói, chết rét thì độc lập ấy chẳng có ý nghĩa gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên không bao giờ được quên “dân là chủ” với quan niệm trên, trong chế độ mới, giá trị cao nhất của độc lập dân tộc là đem lại quyền làm chủ thực sự cho người dân, phải trao lại cho dân mọi quyền hành. Dân là chủ, nghĩa là trong xã hội nhân dân là người chủ của nước, nước là nước của nhân dân.

Các cơ quan Đảng và Nhà nước là tổ chức được dân ủy thác làm công bộc phục vụ cho nhân dân. Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân, cán bộ, đảng viên là đầy tớ của dân. Đầy tớ là công bộc của dân, vì lợi ích chung mà gánh vác việc dân, phải trung thành và tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân. Họ phải như những người lính vâng mệnh quốc dân mà thi hành nhiệm vụ, thay mặt dân để ra quyết định, phải toàn tâm, toàn ý phục vụ đất

nước phục vụ nhân dân. Người nhấn mạnh: Đảng không có mục tiêu nào khác là đem lại lợi ích cho dân.

Trong suốt cuộc đời Hồ Chí Minh đã dồn hết tâm lực, trí tuệ để lãnh đạo nhân dân giành độc lập cho dân tộc, giành quyền làm chủ của con người, xây dựng, phát triển đất nước mang lại hạnh phúc và quyền làm người cho nhân dân, làm cho Việt Nam trở nên giàu mạnh, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu. Khát vọng và sự hy sinh suốt cuộc đời vì điều này đã nâng tầm tư tưởng về quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh lên tầm cao mới trong tư tưởng quyền con người của nhân dân Việt Nam cùng với nhân loại tiến bộ trên thế giới. Người quan niệm, xây dựng một đất nước mà ở đó, mọi hoạt động đều được quản lý theo pháp luật. Để làm được điều đó cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách bộ máy hành chính. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước không phải bằng cách bao biện, làm thay, mà bằng đường lối và những chủ trương, định hướng lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong hai cuộc kháng chiến. Bước vào thời kỳ đổi mới, Nhà nước tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ về phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, cửa quyền của một bộ phận cán bộ, đảng viên để bảo vệ nhân quyền và chống mọi hành vi xâm phạm đến các quyền con người của nhân dân. Quan trọng hơn, phải chú trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

Ngay sau khi đất nước được độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập tới các chính sách kinh tế, xã hội cấp bách như chống “giặc đói”, “giặc dốt”. Lý tưởng của Người là vì hạnh phúc của nhân dân. Kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, Nguyễn Ái

Quốc - Hồ Chí Minh chủ trương thi hành một chính sách nhân quyền, khoan dung đối với tù binh, những người lầm đường lạc lối. Ngay từ năm 1946 với luật nhân đạo và luật quốc tế về quyền con người, trong Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam do Hồ Chí Minh ký, Điều 7 ghi “vô cơ sát hại kiều dân ngoại quốc sẽ bị xử tử”. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II do Người trình bày có đoạn: “Tính mệnh và tài sản của kiều dân nước ngoài tuân theo pháp luật Việt Nam, phải được bảo hộ”. Đây chính là tiền đề cho những quy định về quyền dân sự của người nước ngoài trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Như vậy là ngay cả trong điều kiện chiến tranh ác liệt, quyền dân sự của ngoại kiều vẫn được ghi nhận - tư duy pháp lý về quyền con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những luôn phù hợp, không bị gián đoạn, trái lại luôn luôn kế thừa truyền thống khoan dung nhân đạo cao cả của dân tộc trong việc xử lý đối với người nước ngoài.

Trên cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã sớm đề ra chính sách đối ngoại, hòa bình, hữu nghị và sẵn sàng hợp tác với các quốc gia, dân tộc không phân biệt chế độ chính trị, tư tưởng này của Người đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong Hiệp pháp năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp soạn thảo đã ghi nhận: “Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ngoài nước...”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy các quyền con người phải được bảo vệ và phải được ghi nhận bằng pháp luật. Chỉ sau một ngày khi đọc Tuyên ngôn độc lập, ngay hôm sau ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xem việc tổng tuyển cử, xây dựng Hiến pháp là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách.

Sau Hiến pháp 1946, Việt Nam đã có 4 Hiến pháp (1959, 1980, 1992, 2013), song những quyền hiến định của Hiến pháp 1946 vẫn giữ nguyên giá

trị. Các nguyên tắc nhân quyền như: bình đẳng, tự do, tôn trọng nhân phẩm đã được quy định rõ ràng, quyền của người nước ngoài cũng được bảo vệ. Đặc biệt là Hiến pháp 2013, đã đưa quyền con người lên tầm cao mới, trong đó tiếp thu gần như toàn bộ các quyền con người trong Hiến pháp 1946, và các quyền cơ bản của con người trong tuyên ngôn nhân quyền thế giới 1948, các Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước quốc tế về quyền kinh tế, văn hóa, xã hội 1966.

Là người khai sinh ra nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến xây dựng nền pháp chế của quốc gia, đặc biệt là xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ công dân, quyền con người, hạn chế các sắc lệnh. Kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc và quyền con người của nhân dân ta, đồng thời tôn trọng chủ quyền quốc gia và quyền con người của các dân tộc khác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được những gì thuộc về chân giá trị của con người, của loài người, trong đó có tinh thần nhân đạo, nhân phẩm, tự do, bình đẳng. Trên lĩnh vực quyền con người, đóng góp có tính thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã nghiên cứu đưa ra các luận điểm giải quyết vấn đề quyền con người trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới ở các nước thuộc địa.

Cốt lõi tư tưởng đó là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, tiền đề và điều kiện cơ bản nhất bảo đảm các quyền và tự do của con người. Quyền con người không chỉ là những chế định pháp luật, thuộc trách nhiệm của nhà nước, mà còn là giá trị đạo đức, văn hóa, là trách nhiệm của các tổ chức chính trị – xã hội, là đòi hỏi nội tại của nhân cách làm người đối với tất cả mọi người, từ cán bộ, công chức đến người dân. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người mang tầm vóc thời đại. Tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng đất nước,

vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh của nhân dân ta ngày nay.

#### **2.4. Sự kế thừa tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong các bản Hiến pháp và pháp luật**

Ngay từ khi còn đang trong quá trình tìm đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có những nhận thức sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của việc đảm bảo quyền con người trong quá trình xây dựng nhà nước và hệ thống pháp luật. Người chủ trương sau khi Việt Nam giành được độc lập, chúng ta phải xây dựng một nhà nước kiểu mới, đó là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ, phát huy có hiệu quả nhất quyền con người. Tính nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân thể hiện ở cả mục đích, nguyên tắc tổ chức lẫn phương thức hoạt động của nhà nước.

Nhà nước đó theo quan niệm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh phải được tổ chức một cách hợp hiến, hợp pháp, phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật, thể hiện sự kết hợp giữa đức trị và pháp trị. Nhà nước phải thực sự là công cụ quyền lực của nhân dân lao động, phản ánh, thực hiện và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Xây dựng Nhà nước Việt Nam thành Nhà nước của dân, do dân và vì dân là công hiến vĩ đại của Người vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về nhà nước nói chung và với nhà nước Việt Nam nói riêng. Trong quá trình xây dựng nhà nước, Người luôn chú trọng xây dựng hệ thống pháp luật để bảo vệ tốt nhất những quyền cơ bản của con người. Những tư tưởng về quyền con người trong xây dựng nhà nước và hệ thống pháp luật thể hiện nhất quán từ Hiến pháp 1946, đến các văn bản pháp luật khi Nhà nước Việt Nam còn non trẻ ra đời. Cho đến Hiến pháp 2013, là bản Hiến pháp thứ 5 của Nhà nước ta vẫn thể hiện rất rõ tính kế thừa một cách toàn diện, sâu sắc tư tưởng về quyền con người của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Hiến pháp năm 1946 là Hiến pháp đầu tiên cụ thể hóa các quyền con người, nội dung của Hiến pháp được xuyên suốt bởi quan điểm bảo vệ quyền con người đã được ghi ở Điều 1: *“Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”*. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam, các quyền tự do dân chủ của con người được đạo luật cơ bản ghi nhận và bảo đảm. Cũng lần đầu tiên người dân lao động Việt Nam được xác nhận có tư cách công dân của một nước độc lập có chủ quyền. Nội dung của quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của công dân nhằm mục tiêu bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ.

Trong số 7 chương của Hiến pháp 1946 thì chương về “nghĩa vụ và quyền lợi của công dân” được xếp thứ 2, gồm 18 điều. Trong đó có 16 điều trực tiếp quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam. Chương II quy định các quyền tự do dân chủ của công dân trong các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội và tự do cá nhân. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật được ghi nhận trong đạo luật của Nhà nước (Điều 7). Hiến pháp quy định phụ nữ được ngang quyền với nam giới về mọi phương diện. Nội dung tiến bộ, dân chủ và nhân đạo của Hiến pháp 1946 còn được thể hiện ở những quy định về các quyền cơ bản của công dân như quyền tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc (Điều 7), quyền bầu cử và ứng cử (Điều 18), quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra (Điều 20), quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia (Điều 21), quyền tư hữu tài sản (Điều 12), quyền học tập (Điều 15), quyền tự do ngôn luận, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài (Điều 10), quyền bất khả xâm phạm về nhà ở và thư tín (Điều 11), quyền được Nhà nước ưu tiên chăm sóc giúp đỡ

của công dân thuộc dân tộc thiểu số (Điều 8), của công dân già cả, tàn tật, trẻ em (Điều 14), của giới cần lao trí thức và chân tay (Điều 13). Quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân chỉ có thể được thực hiện khi có một bộ máy nhà nước vững mạnh, thật sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Do đó, Hiến pháp 1946 dành các chương còn lại quy định cơ cấu bộ máy nhà nước nhằm xác định cơ cấu tổ chức, đảm bảo quản lý nhà nước, xã hội và bảo vệ có hiệu quả quyền của công dân trong nhà nước độc lập.

Từ Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập - Hiến pháp 1946 đến các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992, 2013, đều khẳng định nguyên tắc: Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, xác định bản chất Nhà nước là nhà nước của dân, do dân và vì dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Các quyền con người và quyền công dân thể hiện trong các bản Hiến pháp của Việt Nam rất rộng rãi và có tính tiên tiến. Đặc biệt là Hiến pháp năm 2013, khi mà đất nước ngày càng được củng cố và phát triển, các quyền con người và quyền công dân cũng ngày càng được mở rộng và phát triển cả về số lượng và chất lượng; thể hiện nấc thang cao hơn về sự thể chế và cơ chế đảm bảo thực hiện.

Thấm nhuần tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, kể từ Hiến pháp đầu tiên 1946 cho đến Hiến pháp 2013 đều thể hiện xuyên suốt việc đề cao các quyền con người, quyền công dân. Về số lượng các quyền và nghĩa vụ ghi nhận trong chương về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cũng có bước phát triển chẳng những so với ba bản Hiến pháp trước mà còn so với Hiến pháp của các nước. Nếu Hiến pháp 1946 có 28 điều về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Hiến pháp 1959 có 21 điều, Hiến pháp 1980 có 28 điều thì Hiến pháp 1992 có 34 điều trên tổng 147 điều của toàn bộ Hiến pháp.

Hiến pháp 2013 có nhiều điểm bổ sung quan trọng về quyền con



người trong Chương II như là một điểm nhấn và bước tiến đáng kể về tư duy nhà nước pháp quyền và thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Hiến pháp 2013 lần đầu tiên quy định quyền sống; quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, nghiên cứu và thụ hưởng các kết quả khoa học; quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền được sống trong môi trường trong lành.... Điều 14 trong Hiến pháp 2013 quy định:

Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Hiến pháp 2013 còn khẳng định mạnh mẽ mọi công dân Việt Nam đều quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; được nhà nước bảo hộ, không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân vào việc xây dựng nền dân chủ và Nhà nước kiểu mới ở nước ta hiện nay, Nhà nước ta đã và đang tập trung bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân, phải kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, làm cho Nhà nước ta thực sự là Nhà nước pháp quyền XHCN có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trước hết là công cụ quyền lực của nhân dân lao động, phản ánh và bảo vệ lợi ích của nhân dân; nó được tổ chức trên cơ sở pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng như việc chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi Nhà nước phải có sự đổi mới về phương pháp và tăng cường hiệu quả quản lý xã hội, không thể chỉ bằng những chỉ thị, mệnh lệnh, mà quan trọng và căn bản hơn, phải bằng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Điều đó quy định tính tất yếu của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại các Đại hội lần thứ IX, X, XI của Đảng, Đảng ta luôn khẳng định: Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta nhấn mạnh:

Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân... Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật, xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Như vậy, có thể nói, với những giá trị khoa học to lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân chính là cơ sở, định hướng cho việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà giờ đây, Đảng ta xác định là một nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

## Kết luận Chương 2

Thực tế lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh: Quyền con người trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là động lực để thúc đẩy toàn thể nhân dân Việt Nam cùng sát cánh bên nhau đánh đuổi thực dân, phong kiến, dành lại độc lập cho Tổ quốc. Tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trước cách mạng Tháng 8/1945 không chỉ là quyền đơn thuần của quyền con người, mà quyền của dân tộc, của nhân dân đang bị áp bức trên thế giới, cũng là khát vọng của nhân loại tiến bộ trên thế giới.

Đối với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không chỉ có tư tưởng quyền con người trước Cách mạng Tháng 8/1945, mà xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của người đã hy sinh vì quyền con người Việt Nam, suốt đời Người phấn đấu vì quyền con người. Quyền con người là tâm điểm quan trọng nhất trong bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam do chính Người khởi xướng và chỉ đạo xây dựng. Quyền con người đã được khẳng định ngay từ những lời nói đầu khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam vào ngày 2/9/1945.

Hiện nay, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng các quyền cơ bản của con người. Đảng, Nhà nước coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong quá trình phát triển và công cuộc đổi mới toàn diện ở Việt Nam. Đây là sự phát triển tư tưởng quyền con người của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới của đất nước. Các quyền và tự do cơ bản của nhân dân được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm thực hiện bằng nhiều chủ trương, chính sách và cơ chế. Vấn đề tôn trọng, thúc đẩy quyền con người được khẳng định ngay trong những chương đầu, trở thành những quy định có giá trị thực hiện trực tiếp trong nội dung sửa đổi của Hiến pháp năm 1992 đã được đăng công khai, lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của nhân dân.

Với triết lý Nhân dân là chủ thể của quyền lập hiến, quyền con người,

quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp sửa đổi trang trọng tuyên bố sau Chương I - Chế độ chính trị. Cùng với điều đó Hiến pháp sửa đổi năm 2013 đã có những nhận thức mới về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Lần đầu tiên trong Hiến pháp nước ta khẳng định các nguyên tắc: Ở nước CHXHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa – xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của Luật, trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng (Điều 14). Đây là những nguyên tắc căn bản đề cao trách nhiệm của nhà nước trong mối quan hệ với quyền con người, quyền công dân, hạn chế sự tùy tiện cắt xén từ phía Nhà nước. Đồng thời là cơ sở hiến định để mọi người và công dân bảo vệ và thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân [9].

## KẾT LUẬN

Những giá trị tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước Cách mạng Tháng 8/1945 đã có giá trị to lớn vào cuộc đấu tranh, giải phóng dân tộc, giải phóng người dân Việt Nam khỏi áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và góp phần to lớn vào xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay. Điều này thể hiện trên những khía cạnh cụ thể như sau:

**Thứ nhất:** Phát huy giá trị tốt đẹp về tư tưởng quyền con người trong lịch sử, hiện nay, sau nhiều thập kỷ phấn đấu không ngừng nghỉ, giá trị quyền con người ở Việt Nam đã được khẳng định thông qua việc không ngừng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân thông qua các chính sách phát triển đã được người dân trong nước và quốc tế công nhận.

Với việc tham gia Hội đồng Nhân quyền với tư cách quốc gia thành viên, ta sẽ có thêm điều kiện giới thiệu giới thiệu đường lối đổi mới toàn diện, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước, những nỗ lực cùng thành tựu các mặt về bảo vệ, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. Qua đó, Việt Nam có điều kiện nói lên quan điểm, tiếng nói của mình để phản bác những luận điệu, quan điểm sai trái về chính sách bảo vệ quyền con người của Việt Nam. Việt Nam có thêm điều kiện để đóng góp sâu rộng, đầy đủ hơn trên một vấn đề quốc tế lớn hiện nay, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế và tranh thủ những kinh nghiệm quốc tế phù hợp với giá trị quyền con người ở Việt Nam.

Với đường lối đối ngoại đúng đắn của Đại hội Đảng lần thứ XI, trong đó có chủ trương là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, chúng ta sẽ nỗ lực để có thêm nhiều đóng góp hiệu quả vào công việc chung, thực hiện tốt vai trò là thành viên của Hội đồng Nhân quyền của Liên Hợp Quốc.

Ngày nay, quyền con người đã trở thành một vấn đề toàn cầu, mối quan tâm lớn của cộng đồng quốc tế và như Đảng, Nhà nước ta đã khẳng định, là nguyện vọng chung của nhân loại, thành quả đấu tranh của loài người qua nhiều thế hệ. Liên hợp quốc và trên thực tế nhiệm vụ thúc đẩy, bảo vệ quyền con người cùng với việc duy trì hòa bình - an ninh quốc tế và hợp tác vì phát triển đã trở thành ba trụ cột trong hoạt động của tổ chức này.

**Thứ hai:** Tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước Cách mạng Tháng 8/1945 là cơ sở lý luận quan trọng có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng và củng cố hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay. Chính tư tưởng quyền con người của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đang đặt ra cho chúng ta những vấn đề cần phải nghiên cứu sâu sắc hơn để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì nhân dân.

Không chỉ đối với công dân ở trong nước, mà người Việt Nam ở bất kỳ nơi nào trên thế giới đều được Nhà nước Việt Nam bảo hộ. Nhà nước ta coi người Việt Nam ở nước ngoài, là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước hết sức quan tâm đến việc tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ để đồng bào có cuộc sống tốt đẹp, bảo vệ lợi ích chính đáng của họ ở nước sở tại qua nhiều hoạt động cụ thể từ giúp đỡ trực tiếp, phát huy sự giúp đỡ lẫn nhau giữa đồng bào, đến đàm phán các hiệp định lãnh sự, tư pháp, các hoạt động bảo vệ công dân, lợi ích chính đáng của đồng bào. Nhiều chính sách, cơ chế mới được xây dựng, đi cùng những biện pháp cụ thể theo hướng thông thoáng, thuận tiện hơn về thị thực, kể cả miễn thị thực, luật dân sự, đầu tư, mua nhà ở để người Việt Nam về thăm quê hương, thân nhân, làm ăn, hòa nhập vào mặt của cuộc sống và đóng góp xây dựng đất nước. Mỗi năm có hàng trăm nghìn người Việt Nam ở nước ngoài về thăm hoặc định cư lâu dài ở đất nước. Điều này một lần nữa chứng minh thực tế rằng, các quyền con

người ở Việt Nam đang ngày càng được cải thiện và bảo vệ, phát huy một cách có hiệu quả hơn bao giờ hết.

**Thứ ba:** Quyền con người tại Việt Nam là vấn đề trọng tâm trong xây dựng và phát triển đất nước.

Cụ thể hóa những đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực tế trong nhiều thập kỷ qua, đặc biệt là sau khi đất nước ta thực hiện công cuộc ĐỔI MỚI, cùng với việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, các quyền cơ bản của con người ngày càng được đảm bảo, có điều kiện được thực hiện và tôn trọng. Không chỉ đời sống vật chất như quyền có lương thực, nhà ở, các quyền bình đẳng, đặc biệt là các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam luôn được tôn trọng và đảm bảo thực hiện. Mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc đều bị Nhà nước đặc biệt nghiêm cấm. Mọi mặt trong đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện không ngừng. Thực tế hiện nay là đời sống tôn giáo, tín ngưỡng hết sức phong phú với sự có mặt của tất cả các tôn giáo chính trên thế giới. Bên cạnh thực tế là số đông người dân là tín đồ Phật giáo, Phật giáo Hoà hảo, Cao đài, Việt Nam là một trong những nước có số lượng tín đồ Công giáo lớn nhất ở châu Á và số lượng tín đồ Tin Lành lớn nhất ở Đông Nam Á.

Các quyền về kinh tế, xã hội, văn hóa, đặc biệt như thể hiện ở quyền sở hữu, tự do sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, sáng tạo và thụ hưởng các thành quả văn hoá, bình đẳng giới, quyền cho những nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, về giáo dục, y tế của người dân được bảo đảm ngày càng tốt đã góp phần quan trọng để Việt Nam đạt được các thành tựu nổi bật, được quốc tế ghi nhận về phát triển kinh tế - xã hội, trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình. Đồng thời, các thành tựu đó cũng tạo thêm nguồn lực và điều kiện thực tế cho việc thụ hưởng các quyền về dân sự, chính trị. Cộng đồng quốc tế đặc biệt đánh giá cao, coi Việt Nam như một



điểm sáng trên nhiều vấn đề thuộc chương trình nghị sự của Hội đồng Nhân quyền như xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao chỉ số phát triển con người, hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Thiên niên kỷ về Phát triển.

Nhưng, quyền con người luôn là lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp nên bảo đảm thực hiện nó không phải chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền con người mà còn phải thực thi nhiều biện pháp đồng bộ, được mọi cấp, mọi ngành, mọi người tham gia. Có như vậy, quyền con người của người dân Việt Nam sẽ ngày càng được mở rộng, bảo vệ, phát huy đúng giá trị vốn có của nó.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Ngọc Am (2014), “*Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người*”, *Tạp chí Cộng sản*, (tháng 1/2014).
2. Báo Nam Định (2012), *Phong trào đòi tự do dân chủ ở Nam Định những năm 1925 – 1926*, Báo Nam Định số ra ngày 11/10/2012, Bản điện tử: <http://baonamdinh.com.vn/channel/5093/201210/Phong-trao-doi-tu-do-dan-chu-o-Nam-dinh-nhung-nam-1925-1926-2197627>, (truy cập ngày 28/5/2014).
3. Phan Bội Châu (1957), *Niên biểu*, Nxb Văn – sử - địa, Hà Nội.
4. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Thuận Hóa – Huế.
5. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Thuận Hóa – Huế.
6. Nguyễn Ngọc Cơ (2007), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1918*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Dương (1995), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb Đà Nẵng.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
9. Trần Ngọc Đường (2014), Chủ quyền nhân dân được đề cao và thể hiện xuyên suốt, nhất quán trong toàn bộ Hiến pháp 2013, *Báo Đại biểu nhân dân, chuyên mục Diễn đàn đại biểu*, (đăng ngày 25/8/2014).
10. GS.Yoshiharu Tsuboi (2010), “*Một góc nhìn khác của học giả Nhật về tư tưởng Hồ Chí Minh*”, Đại học Waseda, Nhật Bản, Tuanvietnam.net, (cập nhật ngày 1/9/2010).
11. Hồng Hà (1976), *Thời thanh niên của Bác Hồ*, tr.81, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Hòa (2008), “*Quan niệm của Phan Bội Châu về dân quyền*”, *Tạp chí Triết học*, (9), tr.37.

13. Hội khoa học lịch sử Việt Nam (2002), *Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh*, tổ chức tại Tam Kỳ.
14. Đỗ Hòa Hới (2014), *Phan Châu Trinh và sự thức tỉnh dân tộc thế kỷ XX*, Báo điện tử Tâm Nhìn, (ngày truy cập 20 giờ 15/7/2014). <http://tamnhin.net/phan-chau-trinh-va-su-thuc-tinh-dan-toc-the-ky-xx.html>.
15. Đinh Hồng (2014), *Tích cực và hạn chế trong tư tưởng của Phan Châu Trinh*, Website: <http://diendankienthuc.net/>, (truy cập ngày 12/7/2014).
16. Đỗ Quang Hưng (1999), *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, Hà Nội.
17. Trần Đình Hựu (1995), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
18. Vũ Ngọc Khánh (2012), *Phan Bội Châu*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
19. Laura Lam (2010), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và hành trình đi tìm tự do*, Báo Dân trí điện tử bản tiếng Anh, do Việt Hà dịch, đăng 1/2/2010. <http://dantri.com.vn/phan-tich-tu-lieu/ho-chu-tich-va-hanh-trinh-di-tim-tu-do>, (truy cập ngày 5/6/2014).
20. Nguyễn Hiến Lê (2002), *Đông Kinh Nghĩa thực*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
21. Mác – Ăng ghen (1980), *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
22. Hồ Chí Minh (1995), *Nhà nước và pháp luật*, tập 3, Nxb Lao động, Hà Nội.
23. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Lời nói đầu, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

27. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 8 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
29. Hồ Chí Minh (2007), *Đường Kách mệnh, giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Phạm Bình Minh (2013), Bài phỏng vấn, “Bảo vệ quyền con người – chính sách bắt nguồn từ khát vọng của nhân dân”, <http://baodientu.chinhphu.vn/>, (cập nhật 8 giờ 14 phút ngày 10/12/2013).
31. Phan Duy Nghĩa (2010), *Gia phả họ Phan, phần thứ Hai*, <http://hophan.violet.vn>, (truy cập ngày 30/8/2014).
32. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
33. Dương Trung Quốc, Đinh Xuân Lâm, Võ Xuân Đàn (2007), *Phong trào đông du ở miền Nam*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.
34. Hà Văn Tấn (1965), "Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (76).
35. Trần Dân Tiên (1975), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
36. Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, Nxb Đà Nẵng.
37. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
38. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, quyền công dân, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Tư tưởng về quyền con người tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội.
39. Trần Mai Ước (2014), *Tư tưởng dân chủ Phan Châu Trinh và bài học lịch sử với nước ta hiện nay*, Website.[www. donghuongtienphuoc.com](http://www.donghuongtienphuoc.com), (truy cập ngày 25/4/2014).

40. Trần Mai Ước, Trương Văn Chung, Doãn Chính (2005), *Những tư tưởng đổi mới về văn hóa - đạo đức của Phan Châu Trinh, trong Bước chuyển tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

*Trang Web*

41. [http://vi.wikipedia.org/wiki/Phan\\_Chau\\_Trinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Phan_Chau_Trinh).